



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

-----o0o-----

Số: 10.2023/HHA/CV

(V/v CBTT trong thời hạn 24h: Báo cáo
thường niên SJ1 năm tài chính 2022)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----○*○-----

TP.HCM, ngày 28 tháng 12 năm 2022

**Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
2. Mã chứng khoán: SJ1
3. Địa chỉ liên lạc: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM
4. Điện thoại: 028. 3974 1135 – 08. 3974 1136 Fax: 028. 3974 1280
5. Email: info@hunghau.vn
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Quang Chính – Tổng Giám đốc
7. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo thường niên SJ1 năm tài chính 2022.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: [www. https://himex.vn/](http://www.https://himex.vn/)

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên SJ1 năm tài chính 2022.

Người thực hiện CBTT



VŨ QUANG CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022**



MỤC LỤC

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- 08 Thông tin khái quát
- 13 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 20 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 24 Định hướng phát triển
- 26 Các rủi ro

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 34 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 36 Tổ chức và nhân sự
- 50 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- 54 Tình hình tài chính
- 56 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 58 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 64 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 70 Tình hình tài chính
- 72 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 73 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 73 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 74 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 78 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 80 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 82 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 86 Hội đồng quản trị
- 100 Ủy ban kiểm toán
- 102 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN 2022

PHẦN 7: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2022

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- CTCP: Công ty cổ phần
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- TGD: Tổng Giám đốc
- TV: Thành viên
- GTGT: Giá trị gia tăng
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- TP. HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
- KCN: Khu Công nghiệp
- VASEP: Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản
- HĐKD: Hoạt động kinh doanh
- R&D: Nghiên cứu và Phát triển
- MMTB: máy móc thiết bị
- CCP: điểm kiểm soát tới hạn
- ATVSTP: An toàn vệ sinh thực phẩm
- BCHCĐ: Ban chi hội Công đoàn
- ATP-VSCN: An toàn thực phẩm - vệ sinh công nghiệp.



01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển


Các rủi ro

The image shows a package of breaded seafood crab claw and a plate of the prepared product. The package is blue and white, with a yellow banner that reads "CÀNG GHE HẢI SẢN TẨM BỘT (BREADED SEAFOOD CRAB CLAW)". The plate is white and oval-shaped, containing several pieces of breaded crab claw served on a bed of green lettuce. A silver fork with a wooden handle is placed on a green napkin next to the plate. The background is a light-colored wooden surface.

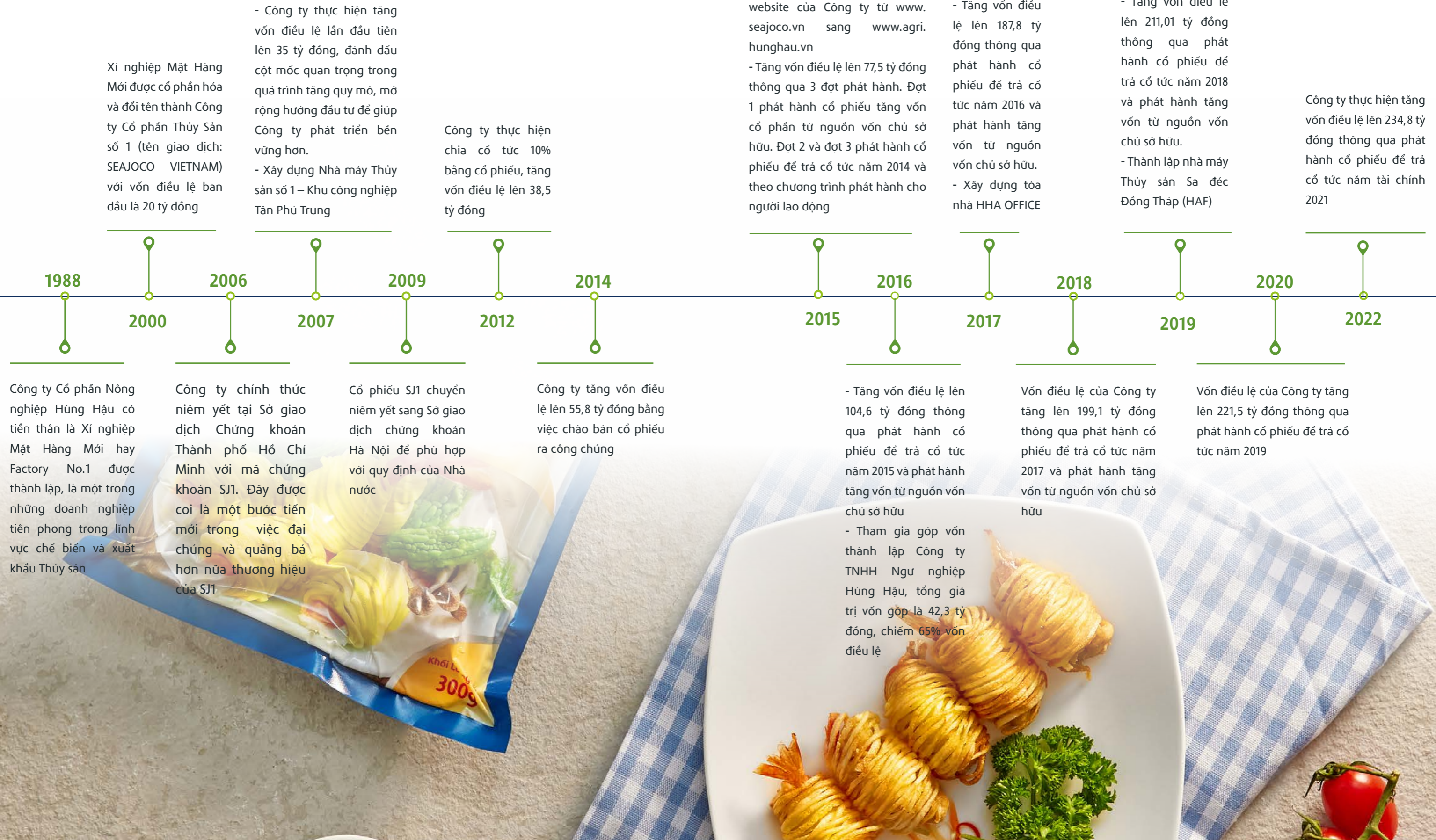
CÀNG GHE HẢI SẢN TẨM BỘT
(BREADED SEAFOOD CRAB CLAW)



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:	: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU	Số điện thoại	: (028) 3974 1135- (028) 3974 1136
Tên tiếng Anh	: HUNG HAU AGRICULTURAL CORPORATION	Số fax	: (028) 3974 1280
Mã cổ phiếu	: SJ1	Website	: www.agri.hung-hau.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: 0302047389 đăng ký lần đầu ngày 10/07/2000 và thay đổi lần thứ 28 vào ngày 01/08/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp	Địa chỉ	: 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Vốn điều lệ	: 234.851.540.000 đồng	Logo	: 
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 234.851.540.000 đồng		

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

TÂM NHÌN

Là doanh nghiệp hàng đầu trong chế biến hàng giá trị gia tăng của ngành thủy hải sản Việt Nam, CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu tự tin sẽ tiếp tục phát triển bền vững trong tương lai. Để luôn tiên phong trong việc tạo ra các sản phẩm mới có chất lượng cao, Công ty không ngừng đổi mới hệ thống quản trị và kiện toàn đội ngũ nhân sự.



SỨ MỆNH

Công ty cung ứng cho thị trường các sản phẩm mang tính đột phá về phong cách, sáng tạo về ý tưởng, đa dạng về chủng loại; luôn đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và khách hàng; chú trọng chăm lo đời sống cho người lao động và trách nhiệm xã hội với cộng đồng.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tôn trọng quá khứ, tự tin trong hiện tại, vững bước tiến đến tương lai. Đây chính là giá trị nền tảng giúp Công ty luôn được cổ đông tin tưởng, đối tác tin nhiệm và người lao động gắn bó lâu dài.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302047389 đăng ký lần đầu ngày 10/07/2000 và thay đổi lần thứ 28 vào ngày 01/08/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu được thực hiện các ngành nghề kinh doanh sau đây:

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
	1020 (Chính)
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy hải sản
2	(0322) Nuôi trồng thủy sản nội địa (Không hoạt động tại trụ sở)
3	(1010) Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản
4	(1030) Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản
5	(4690) Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hoá, máy móc, thiết bị, vật tư nguyên liệu, hoá chất, công nghệ phẩm
6	(3320) Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt công trình lạnh công nghiệp.
7	4321) Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt công trình hệ thống điện
8	(4620) Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác, bán buôn hoa và cây, bán buôn động vật sống, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) (không hoạt động tại trụ sở)
9	(4632) Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (không hoạt động tại trụ sở)
10	(6619) Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
11	(6810) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (chi thực hiện theo khoản 1 điều 10 Luật kinh doanh bất động sản)
12	(4322) Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt công trình điều hòa không khí. (không gia công cơ khí, tải chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở và trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)
13	(4669) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón; Bán buôn thuốc trừ sâu; Bán buôn hóa chất sử dụng trong nông nghiệp: thuốc trừ cỏ, thuốc chống này mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây và các hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở và doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)
14	(8541) Đào tạo đại học (không hoạt động tại trụ sở)
15	(8542) Đào tạo thạc sỹ (không hoạt động tại trụ sở)
16	(8543) Đào tạo tiến sỹ (không hoạt động tại trụ sở)
17	(4101) Xây dựng nhà để ở
18	(4102) Xây dựng nhà không để ở
19	(4299) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng



ĐỊA BÀN KINH DOANH



Địa bàn kinh doanh:

Hiện nay, sản phẩm của Hùng Hậu đã có mặt hầu hết tại các thị trường trong và ngoài nước, với hàng loạt các sản phẩm đáp ứng từ nhu cầu người tiêu dùng năng động đến người tiêu dùng có yêu cầu khó tính nhất về chất lượng và dinh dưỡng sản phẩm. Có thể kể đến các thị trường xuất khẩu hàng như Châu Á, EU, Úc, v.v...

Hệ thống phân phối:

Sản phẩm của Công ty được phân phối trên thị trường trong nước và quốc tế. Tại thị trường trong nước, Sản phẩm HappyFood đã đến tay người tiêu dùng qua thương hiệu của Pizzahut Việt Nam, Lotteria Việt Nam, Nhà hàng Thai Express, Nhà hàng Xiên Que, BBQ Việt Nam, Metro, Lotte mart, v.v... . Ngoài ra, dòng sản phẩm chế biến sẵn Happy Food của Công ty được phân phối qua các kênh thương mại điện tử như: Shopee, Lazada, Voso.vn, Sendo, ẤnBạc, Vidas,... Cùng với đó, sản phẩm chế biến thủy sản mang thương hiệu Hùng Hậu cũng dần có mặt tại các thị trường xuất khẩu lớn trên thế giới và ngày càng mở rộng đối tượng khách hàng tiêu dùng.

Các sản phẩm của Khối Nông nghiệp Hùng Hậu với hơn 250 mặt hàng đã có mặt tại 25 quốc gia trên thế giới, trong đó có các thị trường khó tính như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Châu Âu. Các thị trường trọng điểm như Châu Á chiếm 56% (Hàn Quốc, Nhật bản, Đài Loan, Hongkong, Malaysia), châu Âu chiếm 41% (gồm Bỉ, Pháp, Hà Lan...), còn lại các thị trường khác chiếm 3% (Úc, Mauritius, Venezuela,...).

CÁC CHỨNG NHẬN VÀ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU ĐẠT ĐƯỢC

- Chứng nhận DL01: Giấy phép xuất khẩu vào thị trường EU.
- Chứng nhận ISO 22000:2005: Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống an toàn thực phẩm do Ủy ban kỹ thuật ISO/TC 34 ban hành.
- Chứng nhận HALAL: Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của cộng đồng các nước Hồi giáo HALAL.
- Chứng nhận BRC (British Retail Consortium) Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu.
- Chứng nhận HACCP (Hazard Analysis and Critical Control Point): Hệ thống phân tích, xác định và tổ chức kiểm soát các mối nguy hiểm trọng yếu trong quá trình sản xuất và chế biến thực phẩm.
- Chứng nhận ASC (Aquaculture Stewaship Council): Chứng nhận của Hội đồng quản lý Nuôi trồng Thủy sản.

STT	GIẢI THƯỞNG
Năm 1992	Công ty vinh dự nhận Huân chương lao động hạng II vì thành tích đạt được trong sản xuất kinh doanh từ 1987 – 1991.
Năm 1998	Công ty vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng I vì thành tích nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 1993 - 1997.
Năm 2002 - 2008	Công đoàn Công ty vinh dự nhận được cờ thi đua cùng bằng khen của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cho Phong trào Phụ nữ 2 giới "Giỏi việc nước – Đảm việc nhà".
Năm 2004, Năm 2005, Năm 2007	Huy chương vàng Hội chợ Vietfish.
Năm 2006	Cúp vàng thương hiệu hội nhập. Đạt thành tích cao trong phong trào thi đua "Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo An toàn vệ sinh lao động" 10 năm (1996 – 2006).
Năm 2003 - Năm 2012	Nhận được cờ thi đua và bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam vì thành tích Xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh.
Năm 2013	Nhận bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh.
Năm 2014	Nhận bằng khen của Ban Chấp hành Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cho đơn vị có Thỏa ước lao động tập thể chất lượng cao và Cờ Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cho tập thể.



CÁC CHỨNG NHẬN VÀ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU ĐẠT ĐƯỢC

STT	GIẢI THƯỞNG
Năm 2015	Nhận giải thưởng Sao vàng Đất Việt ngày 04/10/2015. Nhận cờ Công đoàn ngành do Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn trao tặng cho tập thể Công đoàn Công ty.
Năm 2016	Ngày 29/7/2016, Công ty được vinh danh trong TOP 30 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2016 tại Lễ trao giải Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên 2016 (ARA 2016) do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Báo Đầu tư Chứng khoán và Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital phối hợp tổ chức. Ngày 05/9/2016, Công ty được nhận giải: "AEC Priority Intergration Sector Excellence Awards" của Asean Business Advisory Council. Ngày 06/12/2016, Công ty vinh dự nhận được danh hiệu "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2015".
Năm 2018	Ngày 01/12/2018 Công ty đạt chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao – Chuẩn hội nhập".
Năm 2020	Tháng 02/2020 và tháng 06/2020, Công ty đạt chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao" do Người tiêu dùng bình chọn. Ngày 01/07/2020, Công đoàn Cơ sở Công ty được Ban Chấp hành Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trao tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước góp phần xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh, giai đoạn 2015 – 2020. Ngày 12/08/2020, Công ty đạt chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao" do Người tiêu dùng bình chọn (ngành hàng Thực phẩm).
Năm 2021	Tháng 5/2021, Ban Chấp hành Tổng liên đoàn Việt Nam tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Giỏi việc nước, Đảm việc nhà" năm 2020 của Công đoàn cơ sở Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.
Năm 2022	Tháng 11/2022, Công ty vinh dự là đơn vị có 4 lần liên tiếp đạt chứng nhận Thương hiệu Quốc gia với dòng sản phẩm chế biến sẵn của Happy Food

DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG (Tiếp theo)

Chứng nhận ISO 22000:2005:



Chứng nhận HALAL:



Chứng nhận BRC (British Retail Consortium):



Chứng nhận HACCP (Hazard Analysis and Critical Control Point):



Chứng nhận ASC (Aquaculture Stewaship Council):



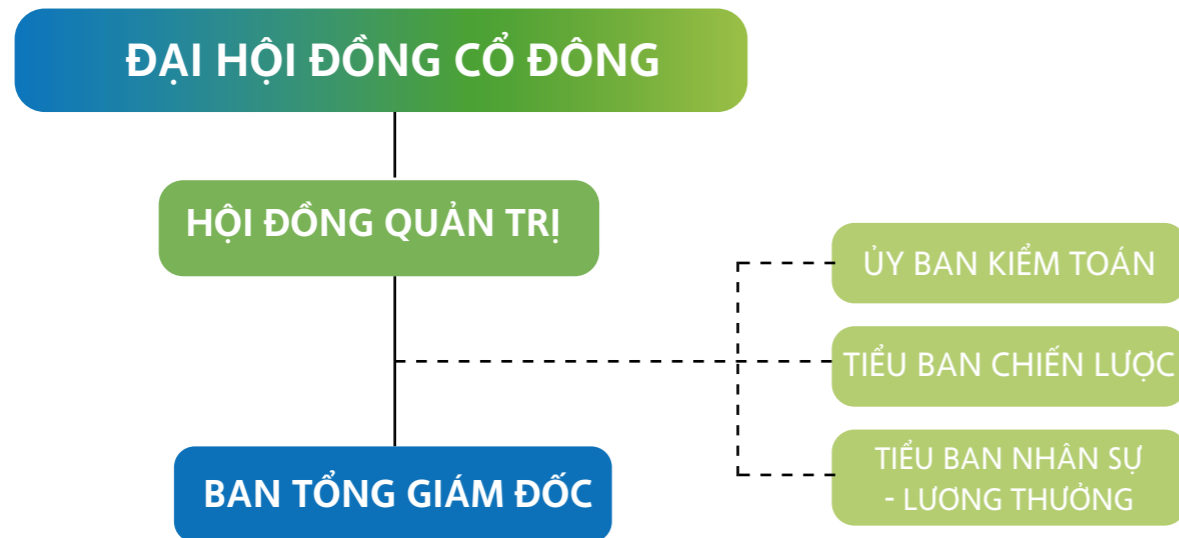
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (Tiếp theo)

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ:



Ngày 28/12/2019, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc thay đổi cơ cấu quản trị Công ty. Theo đó, Công ty hoạt động theo mô hình không có Ban kiểm soát, thay vào đó là các tiểu ban trực thuộc HĐQT bao gồm:

- Ủy ban kiểm toán
- Tiểu ban chiến lược
- Tiểu ban nhân sự - lương thưởng.



Công ty hoạt động với loại hình công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban Tổng Giám đốc:** Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con: Công ty TNHH Ngu nghiệp Hùng Hậu

- **Địa chỉ:** Lô C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
- **Ngành nghề kinh doanh chính:** Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản...
- **Vốn điều lệ:** 19.545.000.000 đồng
- **Tỷ lệ có quyền biểu quyết:** 65%



Công ty liên kết: Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc

- **Địa chỉ:** Lô CV-2, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
- **Ngành nghề kinh doanh chính:** Kho bãi và lưu giữ hàng hóa...
- **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 đồng
- **Tỷ lệ có quyền biểu quyết:** 30%.



Tình hình tài chính của Công ty con: Công ty TNHH Ngu nghiệp Hùng Hậu

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2021	TH 2022	%2022/2021
1	Tổng tài sản	20.323	19.913	97,98%
2	Doanh thu thuần	-	-	-
3	Giá vốn hàng bán	-	-	0,00%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	0,010559	0,002625	24,86%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	20,70	6,451	31,16%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(20,70)	(6,45)	-
7	Lợi nhuận khác	(12,70)	(106,16)	-
8	Lợi nhuận trước thuế	(33,30)	(112,60)	-
9	Lợi nhuận sau thuế	(33,30)	(112,60)	-

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

- Mục tiêu hoạt động của Công ty là tập trung mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư, lợi ích cho cộng đồng và thu nhập cao cho người lao động.
- Sản phẩm của Nông nghiệp Hùng hậu phục vụ cho cả thị trường nội địa lẫn thị trường quốc tế. Do đó, tiêu chuẩn chất lượng, nhu cầu và khẩu vị của từng thị trường, từng đối tượng tiêu dùng đều khác nhau. Với tầm nhìn và mục tiêu luôn tiên phong trong việc tạo ra các sản phẩm mới có chất lượng cao, Công ty luôn tập trung đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, phát triển đa dạng các dòng sản phẩm phù hợp cho từng đối tượng khách hàng thông qua nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm và chuyên môn. Công ty không ngừng tìm kiếm, lựa chọn và thu mua nguồn nguyên, phụ liệu trong và ngoài nước đảm bảo chất lượng, uy tín nhằm mang đến các sản phẩm tươi ngon, giàu dinh dưỡng cho người tiêu dùng. Bởi Công ty tin rằng nguyên liệu đầu vào là cốt lõi, tinh hoa của sản phẩm thành phẩm. Đồng thời, Công ty tăng sản lượng sản xuất bằng phương pháp bổ sung máy móc, thiết bị tự động/tự động để cung cấp thị trường các sản phẩm có sản lượng lớn.
- Công ty cũng thúc đẩy các chiến lược quảng bá, tiếp thị sản phẩm thông qua các kênh truyền thông điện tử nhằm đưa thương hiệu sản phẩm Hùng Hậu gần hơn đến người tiêu dùng.
- Tập trung phát triển quy mô, thị phần của Công ty trong ngành thủy sản.
- Từng bước cải tiến quy trình, thiết bị nhằm giảm công nhân lao động và định mức so với kế hoạch.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN:

- Luôn giữ vững thương hiệu và tạo dựng vị thế của Công ty trong ngành chế biến thủy hải sản nói chung và thị trường tiêu thụ nói riêng với những sản phẩm đặc trưng.
- Không ngừng học hỏi, đổi mới, tập trung đa dạng hóa các mặt hàng, nghiên cứu sản phẩm phù hợp với thị hiếu người dùng.
- Tập trung từng bước xây dựng mạng lưới liên kết chặt chẽ với các vùng nuôi trồng công nghiệp áp dụng công nghệ cao để vừa đảm bảo về chất lượng và sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu đầu vào.
- Tích cực tìm kiếm và phát triển các dòng sản phẩm mới.
- Công ty không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và giá trị các dịch vụ mà SJ1 cung cấp.
- Tập trung duy trì, đẩy mạnh tiếp cận và thiết lập mạng lưới phân phối các sản phẩm của Công ty vào các hệ thống nhà hàng, khách sạn cao cấp.
- Tập trung mở rộng thị trường xuất khẩu: Tăng cường hợp tác với các đối tác giàu kinh nghiệm và năng lực phát triển thị trường quốc tế để quảng bá thương hiệu và thúc đẩy việc phát triển thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm.
- Xây dựng một môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, khuyến khích sự sáng tạo nhằm mang lại sự sung túc cho người lao động và gia đình.
- Tối đa hóa lợi ích cho tất cả các bên liên quan.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

Đầu tư vào R&D là xu hướng tất yếu của các công ty nông nghiệp và thực phẩm lớn trên thế giới để đảm bảo sự phát triển bền vững và khả năng cạnh tranh dài hạn. Vì thế, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu chú trọng đầu tư vào R&D để phát triển các sản phẩm mới có giá trị cao, an toàn, và truy xuất nguồn gốc.

Bên cạnh đó, với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty thiết lập những mục tiêu về kinh tế, tăng trưởng gắn liền với mục tiêu về môi trường – Xã hội trong ngắn hạn và dài hạn. Đây được xem là những nhiệm vụ không thể tách rời để Công ty khẳng định vị thế, nâng cao uy tín, gia tăng ảnh hưởng và góp phần nâng tầm ngành thủy sản.

- Củng cố và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm từ nguồn giống, nuôi trồng, chế biến và phân phối, đặc biệt là hợp tác nâng cao hiệu quả với các đối tác chiến lược.
- Kết hợp an toàn, thân thiện với môi trường và con người là giải pháp để củng cố và phát triển vững chắc những nền tảng sản xuất sẵn có.
- Đặt tiêu chí đầu tư có trách nhiệm, phát triển bền vững gắn liền với các mục tiêu kinh doanh; Minh bạch thông tin là điều kiện tiên quyết trong hoạt động.
- Tham gia vào các hoạt động thúc đẩy phát triển bền vững để đưa ra các sáng kiến, hợp tác và triển khai các dự án môi trường và cộng đồng, chia sẻ giá trị vật chất cũng như tinh thần đối với những hoàn cảnh khó khăn.



RỦI RO KINH TẾ

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng sản lượng công nghiệp và giúp các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ của mình.

Trong những năm trở lại đây, nền kinh tế toàn cầu đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự tăng trưởng chung của nền kinh tế toàn cầu. Cùng với đó là những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiểm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định ...v.v. đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô nước ta trong những năm qua có bước chuyển mình mạnh mẽ. Theo Tổng cục thống kê, toàn bộ nền kinh tế trong nước đạt mức tăng trưởng ấn tượng khi GDP 9 tháng năm 2022 tăng 8,83% so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến chế tạo và xuất khẩu tiếp tục là động lực phát triển kinh tế của đất nước. Các chính sách của Chính phủ trong nỗ lực phục hồi và phát triển kinh tế đã phát huy hiệu quả. Năng lực sản xuất của nền kinh tế được khôi phục và mở rộng, tạo đà cho kinh tế nước ta phát triển trong những năm tới.

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam, trong 9 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu thủy sản của cả nước đạt 8,5 tỷ USD, tăng 38% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu tôm đạt 3,4 tỷ USD, tăng 23%; xuất khẩu cá tra đạt 2 tỷ USD, tăng 82%; xuất khẩu các sản phẩm hải sản đạt 3,2 tỷ USD, tăng 33%. Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đã phục hồi hoàn toàn sau dịch Covid-19, với mục tiêu xuất khẩu thủy sản đạt 10 tỷ USD năm 2022 và mục tiêu này đã được hoàn thành trong tháng 11. Đây là một điểm sáng đối với ngành thủy sản Việt Nam.

Tính đến thời điểm tháng 9/2022, kinh tế toàn cầu trong năm 2022 được điều chỉnh giảm so với các dự báo đưa ra trước đó. Ngân hàng Thế giới dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2022 giảm đáng kể, từ mức 4,1% trong dự báo vào thời điểm đầu năm 2022 xuống còn 2,8% trong dự báo tháng 8/2022. Theo báo cáo cập nhật của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), nhận định triển vọng tăng trưởng lạc quan của Việt Nam, ngược với xu hướng tăng trưởng chậm lại ở những quốc gia châu Á khác. Theo đó, IMF nâng dự báo tăng trưởng của Việt Nam lên 7% trong năm 2022, đây là quốc gia duy nhất được điều chỉnh tăng đáng kể trong số các nền kinh tế lớn ở châu Á.

Trước tình hình của nền kinh tế biến động khó lường, ảnh hưởng bất ngờ đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo của Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu luôn xem xét một cách thận trọng trong việc xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp trên cơ sở tận dụng lợi ích từ các chính sách ban hành, nhằm đảm bảo mục tiêu doanh thu và lợi nhuận Công ty để ra



RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu là Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác có liên quan. Bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý liên quan đều có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được giám sát bởi hệ thống các cơ quan nhà nước bao gồm: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), Tổng cục Thuế v.v... và được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật, các nghị định và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán cũng đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ sự thay đổi nào về mặt chính sách cũng sẽ có thể ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Mặt khác rủi ro này cũng xuất hiện khi Công ty không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, thực hiện các hoạt động không được cho phép của pháp luật dẫn đến tổn thất và tổn hại uy tín của Công ty.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu là doanh nghiệp xuất khẩu, vì vậy, rủi ro do thay đổi chính sách nhập khẩu của các nước trên thế giới mà Công ty xuất khẩu sản phẩm thủy sản ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động xuất khẩu của Công ty.

Nhận thức rõ vấn đề này, Công ty luôn chú trọng quan tâm tới việc cập nhật pháp luật. Công ty thường xuyên có kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến thức cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty về các quy định của pháp luật cũng như ý thức chấp hành pháp luật

RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ VÀ SỨC ÉP CẠNH TRANH

Với mảng hoạt động thủy sản, rủi ro về thị trường tiêu thụ xảy ra khi Công ty mất các thị trường tiêu thụ sẵn có hoặc không xâm nhập được vào thị trường mục tiêu do tác động của các yếu tố bên ngoài, hoặc do sản phẩm, chính sách của Công ty không đủ cạnh tranh. Do đó, Công ty liên tục khảo sát, đánh giá và phân tích nhu cầu thị trường, nắm bắt thông tin về diễn biến thị trường, tập trung nghiên cứu, và xây dựng các chính sách bán hàng linh hoạt, thích ứng với từng giai đoạn để tối ưu hóa chi phí.

Cùng với sự phát triển kinh tế, nhu cầu về thực phẩm của người tiêu dùng trong và ngoài nước đang biến đổi nhanh theo hướng dần tăng dần với các sản phẩm chất lượng cao, tốt cho sức khỏe và tiện dụng. Nếu không phát triển sản phẩm phù hợp với thị hiếu thì nguy cơ Công ty không bắt kịp và đáp ứng nhu cầu thị trường. Với tiềm lực tài chính và năng lực sản xuất cao, các doanh nghiệp nước ngoài đang tạo ra sức ép rất lớn cho Công ty cũng như các doanh nghiệp khác trong nước.

Ngoài ra, năm 2023, sẽ vẫn còn đó những thách thức làm cản trở sự tăng trưởng của ngành thủy sản nói chung và đối với SJ1 nói riêng. Kinh tế thế giới suy thoái, nhu cầu hàng hoá và thực phẩm nói chung, thủy sản nói riêng sẽ bị ảnh hưởng theo chiều hướng giảm về khối lượng và cả giá so với năm 2022, thị trường tiêu thụ chậm lại. Bên cạnh đó, Lạm phát trong nước và các chi phí sản xuất và xăng dầu tiếp tục tăng, làm tăng giá thành và giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm thủy sản. Do đó, đây cũng là thách thức đối với SJ1, đòi hỏi Ban lãnh đạo phải lên kế hoạch ứng phó đối với những biến động ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Trong 9 tháng năm 2022, nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển do tăng sản lượng các sản phẩm trọng điểm như cá tra, tôm thẻ chân trắng. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, Sản lượng thủy sản nuôi trồng 9 tháng năm 2022 ước đạt 3611,2 nghìn tấn, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2021. Nuôi trồng cá tra phát triển mạnh do giá cá tra tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long tăng trong những tháng gần đây và nhu cầu thị trường thế giới cũng tăng cao. Từ đầu năm 2022 đến cuối tháng 9 năm 2022, giá thức ăn chăn nuôi trung bình tăng cao so với đầu năm. Trong khi giá thức ăn chiếm 65-70% giá thành phẩm. Ngoài ra, các chi phí đầu vào cho sản xuất thủy sản như bao bì, hóa chất, vận chuyển, carton... đều tăng. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của Công ty. Theo đó, để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra đúng tiến độ, Công ty thực hiện các biện pháp theo dõi tình hình nguồn nguyên liệu, giá thành .. để chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào và đảm bảo chi phí giá vốn được ổn định, hạn chế rủi ro và tổn thất do thiếu nguyên liệu đầu vào.

RỦI RO LÃI SUẤT

SJ1 có sử dụng vốn vay các tổ chức tín dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong đó chủ yếu là vốn vay từ các ngân hàng. Do đó, những biến động của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.

Trong 10 tháng đầu năm 2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN Việt Nam) đã có hai lần tăng lãi suất điều hành. Ngày 22/09/2022, NHNN Việt Nam đã lần đầu tiên tăng lãi suất điều hành, với lãi suất tái cấp vốn từ 4% tăng lên 5% và lãi suất chiết khấu từ 2,5% tăng lên 3,5%. Ngày 24/10/2022, NHNN Việt Nam quyết định nâng các loại lãi suất điều hành thêm 1%/năm nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và tiến tệ. Cụ thể, tăng lãi suất tái cấp vốn từ 5%/năm lên 6%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 3,5%/năm lên 4,5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng từ 6%/năm lên 7%/năm. Chính sách tăng lãi suất của NHNN Việt Nam là phù hợp trước áp lực tỷ giá giữa đồng Việt Nam so với USD trong giai đoạn quý 3 năm 2022 tăng cao, việc NHNN Việt Nam tăng lãi suất là cần thiết để đảm bảo giá trị tiền VND và giữ tỷ giá không biến động quá lớn.

Do đó, đứng trước áp lực của lạm phát, mức lãi suất điều hành hoàn toàn có thể gia tăng và duy trì ở mức cao sẽ ảnh hưởng đến chi phí lãi vay của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu. Vì vậy, để hạn chế rủi ro này, Công ty cần thường xuyên theo dõi biến động lãi suất trên thị trường để có thể chủ động đưa ra những phương án cấu trúc lại các khoản nợ các tổ chức tín dụng và nâng cao năng lực tài chính của Công ty.



RỦI RO TỶ GIÁ

Trong 9 tháng đầu năm 2022, tình hình kinh tế Thế giới nói riêng và Việt Nam nói chung có nhiều sự biến động. Ngay sau động thái tăng mạnh lãi suất lần thứ 5 của Fed (ngày 21/9/2022), ngày 22/9/2022, NHNN đã điều chỉnh tăng các mức lãi suất điều hành. Ngày 24/10/2022, NHNN tiếp tục tăng các mức lãi suất điều hành thêm 1%. Sau quyết định tăng mạnh lãi suất vào 21/9/2022, Chỉ số đo giá trị đồng USD so với những đồng tiền chính trên thị trường - USD index - tiếp tục tăng lên mức cao nhất trong 2 thập kỷ là 111,65 điểm. Đến 09/2022, USD index đã tăng gần 20% so với cuối năm ngoái. Với việc lãi suất của Mỹ sẽ tăng thêm nữa trong thời gian dài sẽ tiếp tục hỗ trợ đồng USD tăng giá trong một thời gian nữa. Điều này đặt áp lực lên tỷ giá đồng VND. Trong 10 tháng năm 2022, tỷ giá USD/VND tiếp diễn theo xu hướng ngày càng gia tăng.

Hiện tại, doanh thu từ mảng xuất khẩu của Công ty đang chiếm 20,05% doanh thu và lượng ngoại tệ thu về chủ yếu là USD. Vì vậy, việc thay đổi tỷ giá sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Có thể nói rủi ro tỷ giá là loại rủi ro thường xuyên gặp và đáng lo ngại đối với hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế ảnh hưởng của biến động tỷ giá, Công ty thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình tỷ giá để kịp thời điều chỉnh chính sách và kế hoạch xuất nhập khẩu phù hợp.



RỦI RO KHÁC

Bên cạnh các rủi ro đã nêu, Công ty có thể gặp những rủi ro bất ngờ như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh. Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển của Công ty. Do đó, để đảm bảo an toàn cho người lao động, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh được liên tục, tránh các tổn thất không đáng có cũng như bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và đối tác, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội,... thực hiện mua đầy đủ các loại bảo hiểm cần thiết trong năm.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính hợp nhất

Cơ cấu cổ đông





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(Căn cứ Báo cáo tài chính Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	01/10/2020-30/09/2021	01/10/2021-30/09/2022	KH 2022 (01/10/2021-30/09/2022)	TH 2022/ TH 2021 (%)	TH 2022/ KH 2022(%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.122.182	1.333.179		118,80%	-
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.121.406	1.331.826	1.400.000	118,76%	95,13%
3	Giá vốn hàng bán	1.029.040	1.245.488		121,03%	
4	Lợi nhuận gộp	92.366	86.338		93,47%	
5	Lợi nhuận từ HĐKD	17.013	11.742		69,02%	
6	Lợi nhuận khác	(810)	8.504		-	
7	Lợi nhuận trước thuế	16.203	20.246	30.000	124,95%	67,49%
8	Lợi nhuận sau thuế	12.788	16.031		125,36%	

Kết thúc năm tài chính 2022, Công ty ghi nhận Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 1.333.179 triệu đồng, tăng 18,80% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu thuần đạt 1.331.826 triệu đồng, tăng 18,76% so với cùng kỳ năm trước và đạt 95,13% so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân đến từ nhu cầu sử dụng các thực phẩm thủy sản được phục hồi sau đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, giá bán các sản phẩm thủy sản tăng do áp lực tăng giá từ giá nguyên vật liệu đầu vào. Tại SJ1, ngoài việc gia tăng sản lượng sản xuất, Công ty còn phát triển thêm các sản phẩm mới bán ra thị trường theo nhu cầu khách hàng. Qua đó xây dựng mối quan hệ lâu dài với các khách hàng hiện tại và mở rộng tập khách hàng mới.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 16.031 triệu đồng, tăng 25,36% so với 12.788 triệu đồng năm ngoài. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp của Công ty ghi nhận giảm 6,53% so với cùng kỳ năm trước do chi phí giá vốn tăng cao. Nguyên nhân của điều này đến từ việc giá cá tra nguyên liệu và giá tôm nguyên liệu đầu vào tăng mạnh. Bên cạnh đó, Công ty có một khoản thu nhập từ việc xử lý các công nợ với giá trị lên đến 6.748 triệu đồng dẫn tới khoản mục Lợi nhuận khác năm tài chính 2022 tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, đạt 8.504 triệu đồng. Điều này dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty năm tài chính 2022 tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ 2022

 **18,80%**

LỢI NHUẬN SAU THUẾ 2022

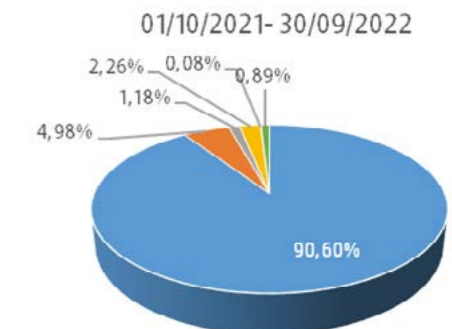
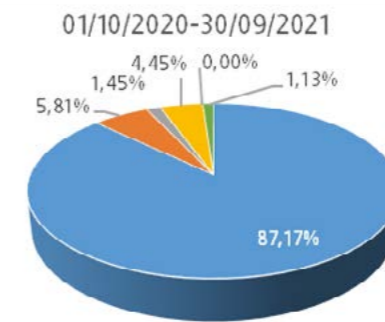
 **25,36%**

Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

(Căn cứ Báo cáo tài chính Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/10/2020-30/09/2021		01/10/2021-30/09/2022		2022/2021 (%)
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	929.059	87,17%	1.186.255	90,60%	127,68%
Chi phí nhân công	61.922	5,81%	65.253	4,98%	105,38%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.440	1,45%	15.408	1,18%	99,79%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.436	4,45%	29.623	2,26%	62,45%
Chi phí dự phòng khoản phải thu khó đòi	-	0,00%	1.100	0,08%	-
Chi phí bằng tiền khác	12.005	1,13%	11.684	0,89%	97,33%
Cộng	1.065.862	100,00%	1.309.324	100,00%	122,84%



- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí dự phòng khoản phải thu khó đòi

Về cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đặc thù hoạt động trong ngành sản xuất, vì thế chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh. Theo bảng số liệu, chi phí nguyên vật liệu năm 2022 chiếm 90,60% cơ cấu chi phí, ghi nhận 1.186.255 triệu đồng, tăng 27,68% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm, sự phục hồi sau đại dịch Covid-19 cùng chính sách mở cửa từ Chính phủ dẫn đến sản lượng sản xuất của Công ty tăng và giá nguyên liệu đầu vào (giá cá tra nguyên liệu, giá tôm sú nguyên liệu,...) cũng tăng cao so với năm trước. Do đó, để kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, Công ty đã không ngừng nỗ lực tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào có chất lượng và giá cả hợp lý. Khoản mục lớn thứ hai là chi phí nhân công, chiếm 4,98% trong cơ cấu chi phí. Trong năm tài chính 2022, tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát, do đó Công ty cắt giảm chi phí liên quan đến việc phòng ngừa dịch Covid-19 dẫn đến chi phí dịch vụ mua ngoài giảm đáng kể, giảm 37,55% tương đương với giảm 17.813 triệu đồng.

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Thông tin được cập nhật đến ngày 30/09/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Vũ Quang Chính	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/12/2021
2	Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/05/2020
3	Ông Nguyễn Tú Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/05/2021
4	Bà Nguyễn Yến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/12/2021
5	Bà Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/12/2021
6	Bà Nguyễn Thị Mỹ Diệu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/04/2022

Những thay đổi trong Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm, miễn nhiệm
1	Ông Vũ Quang Chính	Tổng Giám đốc	02/12/2021	
2	Ông Tống Văn Tùng	Tổng Giám đốc	22/12/2020	02/12/2021
3	Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc	08/05/2020	
4	Nguyễn Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc	22/12/2020	17/12/2021
5	Ông Nguyễn Tú Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	05/05/2021	
6	Bà Nguyễn Yến	Phó Tổng Giám đốc	17/12/2021	
7	Bà Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	17/12/2021	
8	Bà Phạm Thị Bích Như	Kế toán trưởng		01/04/2022
9	Nguyễn Thị Mỹ Diệu	Kế toán trưởng	01/04/2022	

Lý lịch Ban điều hành



ÔNG VŨ QUANG CHÍNH
- THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1986
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Tây Ninh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

- Từ 06/2009 đến 06/2012: Chuyên viên tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
- Từ 07/2012 đến 04/2017: Giám đốc tài chính của CTCP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 04/2017 đến 04/2018: Tổng Giám đốc CTCP Giáo dục Hùng Hậu
- Từ 04/2018 đến 01/2019: Giám đốc điều hành tài chính CTCP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 01/2019 đến 05/2019: Quyền Tổng Giám đốc điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 05/2019 đến 07/2021: Tổng Giám đốc điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 07/2021 đến 11/2021: Giám đốc điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 11/2021 đến nay: Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2022:

- Sở hữu cá nhân: 65.953 cổ phần phổ thông (chiếm 0,30% vốn điều lệ)
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).





ÔNG NGUYỄN VĂN DOL - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1967
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn: 12/12, 25 năm kinh nghiệm nuôi trồng Thủy sản

Quá trình công tác:

- Từ 2014 – 2021: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Vận chuyển Tấn Phúc
- Từ 2015-2016: Giám đốc Nhân sự - Công ty TNHH Hùng Cá
- Từ 2016 – 2019: Phụ trách Vùng Nuôi – Công ty TNHH Hùng Cá
- Từ 08/05/2020 - Nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2022:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



ÔNG NGUYỄN TÚ KỲ - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1980
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Long An
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 02/2002 - 02/2006: Nhân viên QA; CV xây dựng HACCP, GMP, SSOP - CTCP Thủy sản Số 1.
- Từ 03/2006 - 10/2013: Phó phòng TC-HC; Trưởng phòng TC-HC - CTCP Thủy sản Số 1.
- Từ 11/2013 - 11/2015: Trưởng phòng TC-HC - Trường Đại học Văn Hiến.
- Từ 12/2015 - 03/2017: Phó Giám đốc Kiểm soát nội bộ - CTCP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 2017 - 07/2018: Giám đốc Kế hoạch điều hành - CTCP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 08/2018 - 07/2020: Thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro - CTCP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 08/2020 - 04/2021: Chủ nhiệm Văn phòng Ban Giám đốc Điều hành - CTCP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 05/2021 - nay: Phó Tổng Giám đốc – CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu.

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2022:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



BÀ NGUYỄN YẾN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1981
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác:

- Từ 2003-2007: Nhân viên kinh doanh của Xí Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản SaDec
- Từ 2007-2014: Phó Trưởng Phòng Kinh Doanh của Xí Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản SaDec
- Từ 2014-2016: Trưởng BP Kinh Doanh của CTCP Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 2016-2021: Giám Đốc của Công ty TNHH Rau Quả Hùng Hậu
- Từ 2021-2022: Phó TGĐ của CTCP Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 2017-2022: Phó TGĐ của CTCP Thực Phẩm Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc của CTCP Thực Phẩm Hùng Hậu

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2022:

- Sở hữu cá nhân: 2.620 cổ phần phổ thông (chiếm 0,01% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).



BÀ NGUYỄN THANH HÀ - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1979
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Bến Tre
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán kiểm toán; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 07/2001 - 12/2013: Kế toán, Kế toán trưởng của Công ty CP Thủy sản số 1
- Từ 01/2014 - 09/2018: Phó Giám đốc Tài chính, Giám đốc Nhân sự, Giám đốc Điều hành, Phó Chánh Văn Phòng Văn phòng Chủ tịch HĐQT của CTCP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 10/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc của CTCP Thực Phẩm Hùng Hậu
- Từ 11/2021 – nay: Phó Tổng Giám đốc của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc của CTCP Thực Phẩm Hùng Hậu

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2022:

- Sở hữu cá nhân: 3.995 cổ phần phổ thông (chiếm 0,02% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).



BÀ NGUYỄN THỊ MỸ DIỆU – KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 1986

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán

Quá trình công tác:

- Từ 04/2010 - 04/2011: NV kế toán của Công ty TNHH Quảng cáo và In ấn Cát Vàng
- Từ 05/2011 - 01/2016: Kế toán tổng hợp của CN Công ty TNHH Hùng Cá
- Từ 02/2016 - 03/2021: Kế toán tổng hợp của CTCP Cơ Điện Lạnh Thái Đức Lâm
- Từ 04/2021 – nay: Kế toán trưởng CTCP Nông Nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Kế toán trưởng

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2022:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).

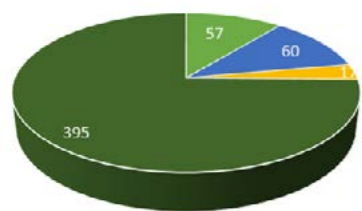


SỐ LƯỢNG VÀ THU NHẬP CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Cơ cấu người lao động trong Công ty tại ngày 30/09/2022 như sau

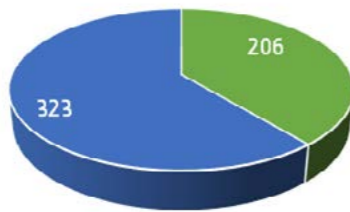
STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	529	100,00%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	57	10,78%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	60	11,34%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	17	3,21%
4	Lao động phổ thông	395	74,67%
II	Theo giới tính	529	100,00%
1	Nam	206	38,94%
2	Nữ	323	61,06%
III	Theo thời hạn HĐLĐ	529	100,00%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	105	19,85%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	167	31,57%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	257	48,58%

Theo trình độ lao động



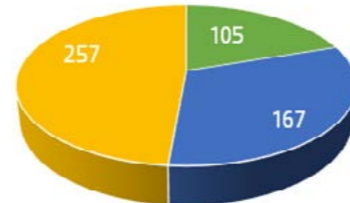
- Trình độ Đại học và trên Đại học
- Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp
- Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

Theo giới tính



- Nam
- Nữ

Theo thời hạn HĐLĐ

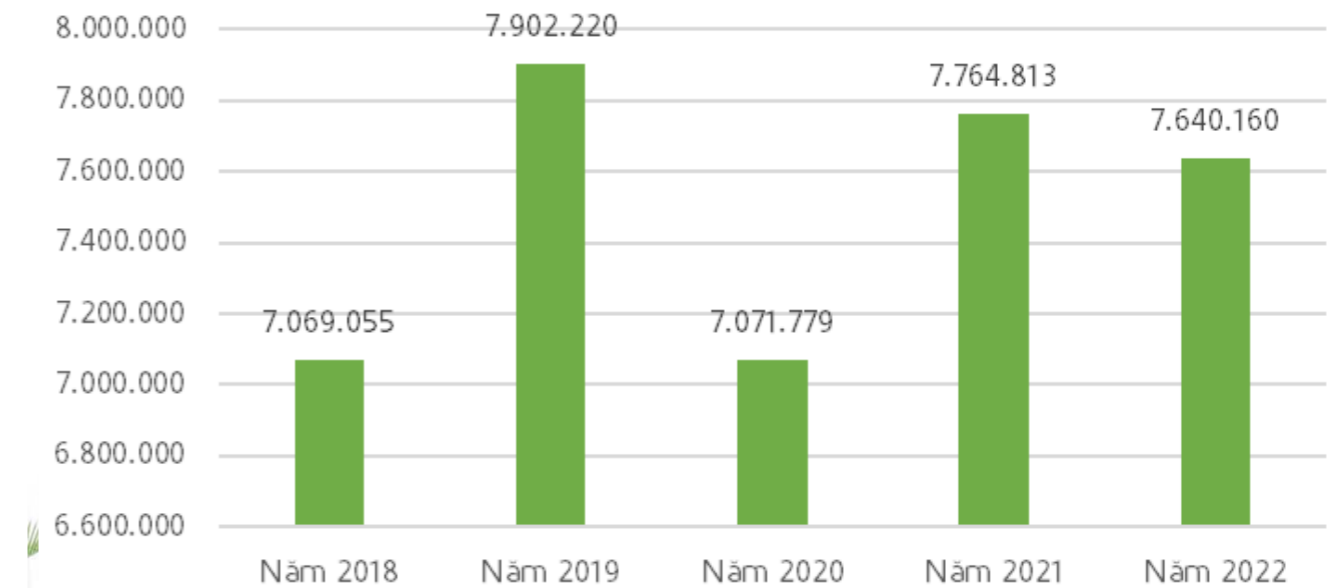


- Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm
- Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm
- Hợp đồng không xác định thời hạn

Thu nhập bình quân

Chi tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.069.055	7.902.220	7.071.779	7.764.813	7.640.160

Thu nhập bình quân của người lao động giai đoạn năm 2018 đến năm 2022 (ĐVT: Đồng)



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



Chính sách tuyển dụng

Với một doanh nghiệp sản xuất, người lao động là một trong những yếu tố then chốt tạo nên giá trị sản phẩm, do đó công ty rất coi trọng công tác tuyển dụng. Trong năm 2022, lực lượng lao động phổ thông liên tục giảm, đa số công nhân mới tuyển có tay nghề thấp năng suất thấp, để khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động, Công ty đã áp dụng đồng thời các biện pháp sau:

- Tìm kiếm các nguồn cung ứng, Nhà cung cấp lao động.
- Xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, đào tạo, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển để thu hút lao động. Cải tạo nhà lưu trú cho công nhân.
- Xây dựng chính sách để giữ công nhân, lao động có tay nghề, xem xét đơn giá lương sản phẩm điều chỉnh tăng phù hợp.
- Tăng cường cải tiến quy trình sản xuất, tiếp tục cải thiện điều kiện thiết bị và áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

Môi trường công việc: Thấu hiểu tài sản quý giá nhất của một tổ chức là con người. Công ty luôn trân trọng sự đóng góp của tất cả mọi người vào thành công chung, bất kể người đó là ai, ở vị trí nào. Chính vì thế, Công ty xây dựng một môi trường làm việc năng động và công bằng, chuyên nghiệp và thân thiện, là nơi mà mỗi một nhân viên đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện, phát triển sự nghiệp để hướng đến sự thành công trong nghề nghiệp của bản thân đồng thời hoàn thiện về nhân cách.



Chính sách đào tạo

Đào tạo là một trong những hoạt động quan trọng của Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, nhằm nâng cao khả năng người lao động, tạo thêm cơ hội việc làm, gia tăng thu nhập và phát triển người lao động. Qua đó gia tăng chất lượng và hiệu quả công việc, giữ chân người lao động với công việc và thu nhập phù hợp. Hằng năm, Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo bằng nhiều hình thức khác nhau: đào tạo tại chỗ, đào tạo trực tuyến,... Bên cạnh đó, Công ty còn tuân thủ đào tạo để nâng cao ý thức của toàn bộ CBCNV về:

- Đào tạo An toàn PCCC, Cứ hộ cứu nạn do Đội Cảnh sát PCCC Huyện thực hiện đào tạo.
- Đào tạo về Sơ cấp cứu cho đội sơ cấp cứu Nhà máy do Hội Chữ Thập Đỏ địa phương thực hiện.
- Thực hiện đào tạo nội bộ cho CBCNV Phòng máy về an toàn lao động.
- Đào tạo 100% cho công nhân tân tuyển về an toàn vệ sinh thực phẩm, định kỳ hằng năm đào tạo an toàn vệ sinh thực phẩm cho toàn bộ Công nhân tham gia sản xuất, định kỳ 3 năm/ lần. Đào tạo kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm cho toàn CBCNV Nhà máy do NafiQuad thực hiện.

Ngoài ra Công ty còn tổ chức đào tạo cho đội ngũ Nhân viên của Nhà máy do nội bộ và bên ngoài thực hiện về: Thực hiện kiểm soát điểm CCP, đào tạo thực hiện tuân thủ thủ tục BRC, ISO, HACCP, HALAL...



Chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

- » Hệ thống lương thưởng của Công ty được thực hiện theo tiêu chí Công bằng – Hợp lý – Cạnh tranh và được cấu trúc nhằm đảm bảo động lực thực hiện công việc của CBCNV. Công tác tiền lương tại Công ty được thực hiện nghiêm ngặt theo quy định của luật lao động, tuyệt đối tuân thủ quy chế tiền lương đã đăng ký với Cơ quan hữu quan và các cam kết với người lao động. Người lao động được hưởng các chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Thu nhập được trả căn cứ trình độ, năng lực, trách nhiệm, năng suất lao động và chất lượng công việc.
- » Công ty có những chính sách khen thưởng nhằm tạo động lực, khuyến khích cá nhân và đơn vị phát huy khả năng và tối ưu hóa kết quả công việc được giao. Công ty khen thưởng theo định kì hoặc thưởng kịp thời cho những sáng kiến, cải tiến hoàn thành xuất sắc, vượt mức công việc được giao. Mọi thành tích, dù là nhỏ nhất đều được ghi nhận và thưởng xứng đáng, đảm bảo nhân viên được trả thưởng theo năng lực, cống hiến và hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân.



- » Các chính sách đãi ngộ của Công ty được người lao động đánh giá cao, thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp đến đời sống vật chất, tinh thần của nhân viên, củng cố lòng trung thành, gắn kết và gia tăng mức độ hài lòng của đội ngũ nhân viên. Chính sách đãi ngộ lao động luôn được liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và cống hiến. CBCNV được tham gia khám sức khỏe toàn diện định kỳ. Nhân viên được tặng quà ngày lễ và các dịp đặc biệt, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, trợ cấp cho những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn,...



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Dự án Cụm Công nghiệp An Hào theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 ngày 28/12/2019.

- Tên dự án: Cụm Công Nghiệp An Hào
- Địa điểm: Xã Long Hựu Đông, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An
- Quy mô đầu tư: Tổng diện tích 75 ha
- Tổng vốn đầu tư: 735 tỷ đồng
- Tiến độ thực hiện dự án:

Thời gian qua, HĐQT đã xuyên suốt chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến vấn đề đầu tư dự án. Tuy nhiên, chủ trương của tỉnh có điều chỉnh hướng phát triển các dự án Dân cư đô thị và Khu, Cụm công nghiệp để tích hợp Quy hoạch thời kỳ 2021- 2023, tầm nhìn đến 2050. Vì vậy tiến độ triển khai dự án đã tạm hoãn. Đến nay, dự án đã trở tiến độ so với nội dung được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/12/2019. Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan Ban ngành để được hỗ trợ xem xét triển khai lại.



Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Giá trị tại 30/9/2022
1	Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.034.091
2	Văn Phòng 613 Âu Cơ - mở rộng	6.013.876.639
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	5.576.125.006
Cộng		13.468.035.736



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

Căn cứ trên Báo cáo tài chính Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc
Góp vốn liên doanh					
1	Công ty TNHH Kho Lạnh Gió Bắc	Lô CV-2, khu C, khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	30%	900.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác					
1	CTCP Xuất Nhập khẩu Thủy sản Căn (15.952 CP)	Khu vực 1, khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn Cà Mau	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản		159.520.000
2	CTCP Bao bì Thủy sản (6.598 CP)	2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh			65.980.000
3	Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu	86, Tỉnh lộ 2, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	17%	30.600.000.000
4	Quỹ trái tim Hùng Hậu				500.000.000
Tổng cộng					32.225.500.000



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Căn cứ trên Báo cáo tài chính Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	01/10/2020-30/09/2021	01/10/2021-30/09/2022	2022/2021 (%)
Tổng giá trị tài sản	967.248	1.009.778	104,40%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.121.406	1.331.826	118,76%
Lợi nhuận từ HĐKD	17.013	11.742	69,02%
Lợi nhuận khác	-810	8.504	-
Lợi nhuận trước thuế	16.203	20.246	124,95%
Lợi nhuận sau thuế	12.788	16.031	125,36%

Kết thúc năm tài chính 2022, nhìn chung tình hình tài sản của Công ty không quá biến động. Tính đến thời điểm 30/9/2022, tổng giá trị tài sản của Công ty ghi nhận đạt 1.009.778 triệu đồng, tăng 42.530 triệu đồng, tương ứng với mức tăng là 4,40% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu đến từ khoản mục tăng từ tài sản ngắn hạn. Đối với tài sản ngắn hạn, nguyên nhân tăng chủ yếu là do lượng hàng tồn kho vào thời điểm 30/9/2022 là 303.076 triệu đồng, tăng 36.852 triệu đồng, tương ứng với tăng 13,84%. Ghi nhận vào thời điểm cuối năm tài chính 2022, Công ty có một lượng thành phẩm dự trữ lớn để chuẩn bị cho đơn đặt hàng sắp tới phục vụ cho việc giao hàng đúng thời hạn và số lượng các hợp đồng đã ký trước. Ngoài ra, giá nguyên vật liệu đầu vào liên tục biến động tăng từ đầu năm tài chính 2022 đến nay, nên Công ty thực hiện chính sách tồn kho dự trữ đầu vào với giá cả hợp lý để ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất chế biến. Bên cạnh đó, tài sản ngắn hạn tăng là do khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tăng từ 3.834 triệu đồng cuối năm trước lên 30.965 triệu đồng vào 30/09/2022, tương ứng tăng 27.131 triệu đồng, tăng 707,60% so với cùng kỳ năm trước để chuẩn bị cho hoạt động kinh doanh sắp tới.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng trưởng 18,76%, từ 1.121.406 triệu đồng năm tài chính 2021 lên 1.331.826 triệu đồng năm tài chính 2022, tăng 210.420 triệu đồng. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt là 20.246 triệu đồng và 16.031 triệu đồng, tăng lần lượt là 4.043 triệu đồng (tăng 24,95%) và 3.243 triệu đồng (tăng 25,36%) so với cùng kỳ năm trước. Trong năm 2022, Công ty tiếp tục đẩy mạnh chiến lược tiếp thị sản phẩm qua các kênh thương mại điện tử nhờ thói quen của người dân trong thời kỳ dịch Covid - 19 là mua hàng online,... Bên cạnh đó, Công ty cũng đã triển khai chào hàng một số sản phẩm mới, phát triển hệ thống các siêu thị trên toàn quốc,... Kết quả đạt được là Công ty có phát triển thêm 09 khách hàng mới, 09 khách hàng này chiếm 15% doanh thu thuần của Công ty. Do đó, dẫn đến doanh thu từ bán hàng nội địa tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước (tăng 23,46%, tương đương với tăng 202.297 triệu đồng). Nhờ việc mở rộng thị phần tại thị trường nội địa góp phần tạo dựng uy tín, nâng cao thương hiệu trong mắt người dùng Việt Nam.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Căn cứ trên Báo cáo tài chính Hợp nhất

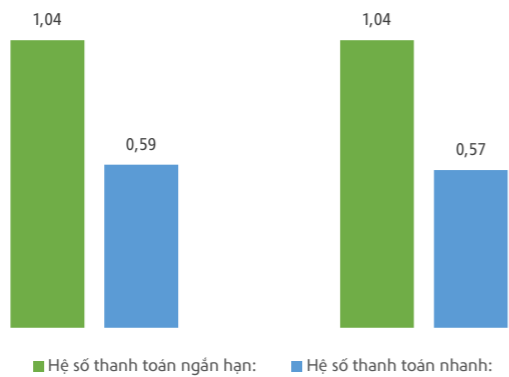
Chi tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm
Chi tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,04	1,04	-
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,59	0,57	-0,02
Chi tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	69,92%	69,64%	-0,28%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	232,43%	229,34%	-3,09%
Chi tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,90	4,38	0,47
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,16	1,35	0,19
Chi tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	1,14%	1,20%	0,06%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	4,39%	5,37%	0,98%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,32%	1,62%	0,30%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,52%	0,88%	-0,64%

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Đối với khả năng thanh toán trong năm tài chính 2022, các hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty không biến động nhiều so với năm trước. Hệ số thanh toán ngắn hạn vẫn giữ nguyên ở mức 1,04 lần/năm và hệ số thanh toán nhanh giảm nhẹ, từ 0,59 lần/năm trong năm tài chính 2021 còn 0,57 lần/năm trong năm tài chính 2022. Nguyên nhân chủ yếu do lượng hàng tồn kho tăng 36.852 triệu đồng, tương ứng với tăng 13,84%. Tại thời điểm cuối năm tài chính 2022, Công ty ghi nhận lượng hàng tồn kho thành phẩm cao để phục vụ cho đơn hàng đã kí hợp đồng từ trước, ngoài ra Công ty cũng thực hiện chính sách dự trữ lượng tồn kho nguyên vật liệu trong bối cảnh giá nguyên vật liệu có xu hướng tăng như hiện nay.

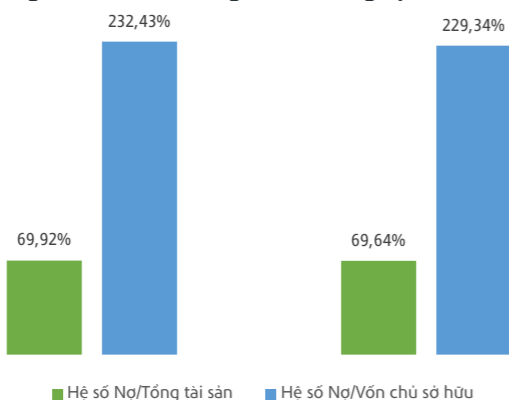
Cả nợ ngắn hạn và tài sản ngắn hạn đều tăng tương ứng nên hệ số thanh toán ngắn hạn không biến động so với cùng kỳ năm trước. Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu đến từ tiền và tương đương tiền đạt 32.052 triệu đồng vào thời điểm 30/9/2022, tương ứng với mức tăng 26.584 triệu đồng. Việc Công ty nắm giữ lượng vốn lưu động có thanh khoản cao như tiền gửi ngân hàng không kì hạn cũng phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nhìn chung, các chỉ số về khả năng thanh toán tuy có sụt giảm so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán, đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn, đồng thời duy trì được khả năng kinh doanh.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

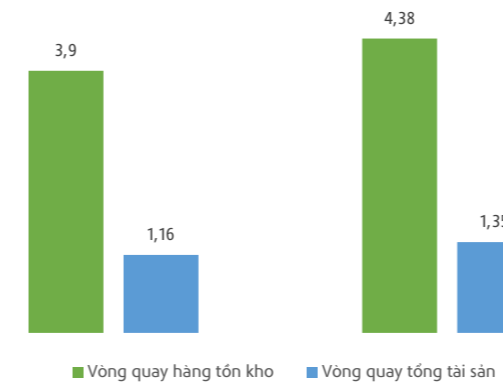
Nhìn chung, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều giảm trong năm tài chính 2022. Cụ thể, Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ mức 69,92% năm tài chính 2022 xuống mức 69,64% năm tài chính 2021. Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu năm tài chính 2022 đạt 229,34%, giảm so với mức 232,43% năm trước. Nguyên nhân là do Nợ phải trả tăng 3,98% trong khi Tổng tài sản tăng 4,40% và vốn chủ sở hữu tăng 5,38% so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng tài sản tăng đến từ việc Công ty thực hiện chính sách tích trữ hàng tồn kho. Bên cạnh đó, Nợ ngắn hạn là nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của nợ phải trả của Công ty, chủ yếu đến từ vay ngắn hạn ngân hàng nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với khoản mục Vốn chủ sở hữu, việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm tài chính 2022 với giá trị là 13.291 triệu đồng là nguyên nhân chính làm cho vốn chủ sở hữu tăng 15.647 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, trong năm 2022 vòng quay hàng tồn kho tăng từ 3,9 vòng/năm lên 4,38 vòng/năm, vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,16 vòng/năm lên 1,35 vòng/năm. Với đặc thù sản xuất kinh doanh thủy sản nên hàng tồn kho chủ yếu là thành phẩm như cá, tôm, mặt hàng giá trị gia tăng, vv.. và nguyên vật liệu để chế biến các mặt hàng thủy sản, do đó vòng quay hàng tồn kho đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thủy sản từ 3,9 lần/năm lên 4,38 lần/năm là tương đối ổn định. Việc Công ty tăng đáng kể lượng hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm tài chính 2022 để chuẩn bị kĩ càng cho hoạt động kinh doanh cho kì tới.

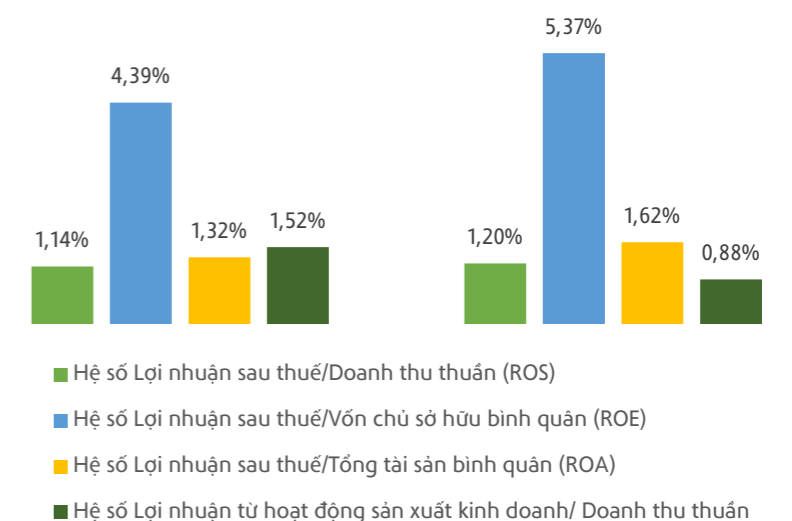
Các chỉ số về năng lực hoạt động cho thấy sự ổn định về hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính 2022. Có được kết quả này đến từ thị trường tiêu thụ tăng mạnh cả trong nước và xuất khẩu. Do đó, doanh thu thuần và giá vốn hàng bán năm tài chính 2022 đều ghi nhận tăng so với năm tài chính 2021.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm qua, Nhờ vào việc xử lý các công nợ quá hạn nên Công ty có được khoản lợi nhuận khác là 8.610 triệu đồng, cùng với việc cắt giảm chi phí bán hàng (do Chi phí vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa giảm và chi phí cho nhân viên giảm) nên lợi nhuận sau thuế của SJ1 tăng 26,55% so với cùng kỳ năm trước. Do đó, hầu hết các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều tăng nhẹ so với cùng kỳ năm tài chính 2021, các chỉ số Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần, ROE, ROA năm tài chính 2022 đạt lần lượt là 1,20%, 5,37% và 1,62%, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái, lần lượt tăng 0,06%, 0,98% và 0,30%.

Tuy nhiên, Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần ghi nhận giảm 0,64% so với năm trước. Nguyên nhân là do tăng chi phí tài chính từ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh cùng với việc giá vốn hàng bán tăng cao nên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm 30,98%, trong khi đó Doanh thu thuần tăng 18,76% so với cùng kỳ năm trước. Việc giá nguyên liệu đầu vào tăng cao ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu về lợi nhuận, Ban lãnh đạo không ngừng nỗ lực tìm kiếm và đưa ra các chính sách nguồn nguyên liệu chất lượng và giá cả hợp lý để nâng cao năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành

23.485.154 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

23.484.144

cổ phiếu

Loại cổ phần

cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu quỹ

1.010

cổ phiếu

Mệnh giá cổ phần

10.000

đồng



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 30/10/2022)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	0,00%	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI	-	0,00%	0	0	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	16.283.660	69,34%	3	3	0
	- Trong nước	16.283.660	69,34%	3	3	0
	- Nước ngoài	-	0,00%	0	0	0
4	Công đoàn công ty	-	0,00%	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	1.010	0,00%	1	1	
6	Cổ đông khác	7.200.484	30,66%	515	16	499
	- Trong nước	7.156.553	30,47%	497	13	484
	- Nước ngoài	43.931	0,19%	18	3	15
	TỔNG CỘNG	23.485.154	100%	519	20	499
Trong đó:	- Trong nước	23.441.223	99,8129%	501	17	484
	- Nước ngoài	43.931	0,1871%	18	3	15



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 30/10/2022)

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Công ty cổ phần Phát Triển Hùng Hậu	1004A Âu Cơ, P.Phú Trung, Q.Tân Phú, HCM	12.044.816	51,29%
2	Trường Đại Học Văn Hiến	665-667-669 Điện Biên Phủ, P.1, Q.3, Tp.Hcm	1.891.391	8,05%
3	Tổng công ty thủy sản Việt Nam-Công ty Cổ phần	2-4-6 Đồng Khởi, P Bến Nghé, Quận 1, TP HCM	2.347.453	9,99%

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA:

Căn cứ Công văn số 324/UBCK-PTTT ngày 13/06/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty hiện nay là 0% vốn điều lệ.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính từ 01/10/2020 đến 30/09/2021

1.329.094

cổ phiếu

Loại chứng khoán	Địa chỉ
Mệnh giá (ĐVT: đồng)	10.000 đồng
Số lượng chứng khoán phát hành	1.329.094 cổ phiếu
Số cổ đông được phân phối	435 cổ đông
Tổng số lượng chứng khoán sau khi phát hành	23.484.144 cổ phiếu
Tổng giá trị chứng khoán niêm yết sau khi thay đổi niêm yết	234.851.540.000 đồng
Ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực	18/08/2020(*)
Ngày chính thức giao dịch	07/09/2020

(*)Theo quyết định số 549/QĐ-SGDHN ngày 05/08/2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN

Thời điểm	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng giảm (đồng)	Hình thức tăng giảm vốn
Năm 2007	1.500.000.000	35.000.000.000	1. Phát hành cho cổ đông hiện hữu. 2. Phát hành cho người lao động trong Công ty. 3. Phát hành cho cổ đông ngoài Công ty. 4. Phát hành cho người nước ngoài
Năm 2012	3.500.000.000	38.500.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
Năm 2014	17.332.000.000	55.832.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
Năm 2015	21.619.840.000	77.451.840.000	1. Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. 2. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 3. Phát hành cổ phiếu theo chương trình phát hành cho người lao động
Năm 2016	27.101.870.000	104.553.710.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
Năm 2017	83.252.260.000	187.805.970.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
Năm 2018	11.264.560.000	199.070.530.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
Năm 2019	11.941.910.000	211.012.440.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
Năm 2020	10.547.560.000	221.560.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019
Năm 2022	13.291.540.000	234.851.540.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính 2021

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm ngày 18/11/2022 của Công ty Nông nghiệp Hùng Hậu là 1.010 cổ phiếu, trong năm Công ty không thực hiện các giao dịch cổ phiếu quỹ

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thủy sản, với định hướng đẩy mạnh hoạt động kinh doanh đi đôi với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Vì thế Công ty cam kết giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo lập giá trị tốt cho cán bộ công nhân viên, khách hàng, đối tác, nhà cung cấp và cộng đồng xung quanh.



Tác động lên môi trường:

Công ty luôn ý thức và chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường. Do đó, Công ty khuyến khích người lao động nâng cao ý thức trách nhiệm chống lãng phí và bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm các tài nguyên thiên nhiên. Bên cạnh đó, ý thức được trách nhiệm về đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm, Công ty rất coi trọng yếu tố môi trường trong quá trình sản xuất. Việc xử lý các chất thải công nghiệp, nước thải,... luôn đảm bảo các chỉ tiêu an toàn theo tiêu chuẩn quy định. Ngoài ra, Công ty có những biện pháp hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm môi trường phát sinh từ việc bảo quản nguyên vật liệu dùng trong quá trình sản xuất và chế biến. Do đó, Ban lãnh đạo Công ty cùng cán bộ công nhân viên không ngừng nỗ lực và cải tiến quy trình sản xuất để đáp ứng những tiêu chuẩn về môi trường xanh sạch đẹp.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Là một doanh nghiệp sản xuất chế biến trong ngành thủy sản, việc tạo ra các sản phẩm chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm là sự ưu tiên hàng đầu trong quy trình sản xuất của Công ty. Do đó, nguồn nguyên liệu đầu vào được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm được Công ty kiểm định chất lượng từng lô thông qua đội ngũ nhân viên có chuyên môn cao. Nhờ vậy, chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty luôn được ổn định.



Tiêu thụ năng lượng:

Hạn chế tiêu hao năng lượng là một trong những yếu tố quan trọng khi SJ1 xây dựng phương thức hoạt động và các quy trình vận hành của Công ty. Trong năm, SJ1 luôn khuyến khích nhân viên có ý thức về việc tiết kiệm điện, tắt đèn, quạt, máy lạnh... khi không cần thiết sử dụng. Thay thế các thiết bị tiêu hao nhiều năng lượng bằng các thiết bị tiết kiệm điện năng. SJ1 nhận thức được việc sử dụng năng lượng tiết kiệm không chỉ giảm thiểu chi phí hoạt động cho Công ty mà còn góp phần chung tay bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu.



Tiêu thụ nước

Nguồn nước rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt đối với Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu:

- Tại nhà máy Khu công nghiệp Tân Phú Trung – Củ Chi, nhà máy sử dụng nước thủy cục do khu công nghiệp cung cấp và không có sử dụng nước giếng khoan, không sử dụng nước tái chế lại.
- Tại nhà máy Khu Công nghiệp Sa Đéc- Đồng Tháp, nhà máy sử dụng nhà máy sử dụng nước thủy cục do khu công nghiệp cung cấp. ngoài ra, nhà máy còn sử dụng nước giếng khoan.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Các nghĩa vụ nộp thuế và phí dịch vụ bảo vệ rừng đều được Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Trong nhiều năm qua, Công ty chưa bị phạt về vấn đề này.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (Tiếp theo)

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty tính đến thời điểm 30/9/2022 là 529 người.
- Mức lương trung bình đối với người lao động trong năm 2022 là 7640.160 đồng/ người



Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Việc duy trì việc làm, thu nhập cho người lao động luôn là yếu tố quan trọng hàng đầu bất kể trong giai đoạn nào. Người lao động chỉ gắn bó với Công ty khi mức thu nhập tương xứng và công bằng. Ngoài ra, việc phát triển nguồn nhân lực ngay tại địa phương cũng là một cách đóng góp thiết thực tại nơi hoạt động. Do đó, Công ty luôn cố gắng chăm lo cho người lao động, đặc biệt thể hiện qua mức thu nhập và trợ cấp người lao động. Ngoài mức lương hàng tháng, người lao động còn nhận được các hỗ trợ khác như quà tặng, phụ cấp, thưởng... trong quá trình làm việc nhằm khích lệ người lao động, chia sẻ lợi nhuận do chính họ tạo ra.

Hoạt động đào tạo người lao động

Với đặc thù là doanh nghiệp chế biến thủy sản và các sản phẩm nông nghiệp, là doanh nghiệp thâm dụng nhiều lao động, vì vậy yếu tố con người luôn được SJ1 đề cao. Trong năm, Công ty luôn đề ra các chương trình, lộ trình để phát triển kỹ năng và học tập để có đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đảm bảo chất lượng công việc, và phát triển sự nghiệp trong tương lai.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Ban chi hội Công đoàn đã kết nối với Quỹ Trái Tim Hùng Hậu động viên tinh thần và hỗ trợ hiện kim cho người lao động nhiều trường hợp. Từ ngày 22/01/2022 đến 25/01/2022 Quỹ Trái tim Hùng Hậu đã tổ chức hoạt động “Xuân Gắn kết – Tết Ấm No” năm 2022 tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và địa bàn tỉnh Đồng Tháp nhằm chia sẻ bớt những khó khăn, mang lại một cái tết ấm áp, khỏe mạnh cho người dân gặp khó khăn.

Tại Quận Tân Phú, TP. HCM chương trình đã trao tặng 500 phần quà cho các địa phương, mái ấm chịu ảnh hưởng do dịch bệnh Covid-19 như: Trường Giáo dục chuyên biệt Khai Trí, CLB Trẻ em Ga Sài Gòn, Mái ấm Diệu Giác, Mái ấm Thiên Ân, Mái ấm Tân Bình và người dân thất nghiệp hoặc lao động thu nhập thấp.

Quỹ Trái tim Hùng Hậu đã gửi 300 phần quà đến người dân, trẻ em trong khu cách ly, người dân có hoàn cảnh khó khăn chịu ảnh hưởng của dịch bệnh tại 3 huyện Tam Nông, Hồng Ngự, Thanh Bình thuộc tỉnh Đồng Tháp.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN:

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, SJ1 rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

03

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức,
chính sách - quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý
kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm
về môi trường và xã hội



H ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM



Trong năm tài chính 2022, mặc dù nền kinh tế thế giới cũng như trong nước phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid, tuy nhiên, với bối cảnh lạm phát như hiện nay ảnh hưởng không nhỏ đến Công ty. Với sự nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên, cùng nhau khắc phục khó khăn, phát huy những thuận lợi, Công ty đã linh hoạt trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, có nhiều giải pháp sáng tạo, quyết liệt trong quản lý điều hành nên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch năm tài chính 2022 theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên Công ty.



Công tác kinh doanh

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm tài chính 2022 đạt 1.333.178.991.856 đồng tăng 18,80% so với cùng kỳ năm 2021.

Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm tài chính 2022 là 20.246.101.317 đồng, tăng 24,95% so với cùng kỳ năm 2021 và đạt 67,49% so với kế hoạch.

Trong năm 2022 đánh dấu sự tăng trưởng mạnh mẽ của hàng GTGT tại Nhật Bản, Hàn Quốc và Châu Âu. Ngoài ra đã phát sinh 01 thị trường mới là Venezuela.

Tỷ trọng doanh thu bán hàng GTGT đã có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực. Trong đó thị trường trọng điểm: Châu Á chiếm 56% (Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Hongkong, Malaysia), châu Âu chiếm 41% (gồm Bỉ, Pháp, Hà Lan...), còn lại các thị trường khác chiếm 3% (Úc, Mauritius, Venezuela,...).

Phát triển 09 khách hàng mới (chiếm 15% doanh thu công ty). Đồng thời, đã phân loại và xây dựng chính sách đối với từng khách hàng cụ thể, từng chương trình đối với từng loại hàng hoá vào những thời điểm thích hợp để phát triển kinh doanh.

Đã tung ra thị trường nội địa 2 sản phẩm mới: Gà Kpot, Bánh tôm ngũ cốc, các sản phẩm này hiện đang bán chạy tại các chuỗi nhà hàng, thức ăn nhanh.

Công tác chăm sóc khách hàng được đẩy mạnh, xây dựng được mối quan hệ thân thiết với Khách hàng giúp phát triển cũng như nâng cấp các kênh thương mại điện tử phù hợp với xu hướng người dùng.

Xây dựng kế hoạch sản xuất và tích trữ nguyên liệu phù hợp cùng với việc đầu tư dây chuyền máy móc hiện đại giảm thiểu nhân công trong giai đoạn Covid đã giúp công ty luôn ổn định đơn đặt hàng từ khách hàng.

Tham gia 02 hội chợ quốc tế lớn: Seafood Expo Global tại Barcelona - Tây Ban Nha và hội chợ Seoul Food 2022 tại Hàn Quốc nhằm đẩy mạnh sản phẩm và thương hiệu Hùng Hậu.

Tham gia khảo sát và nghiên cứu thị trường tại Thái Lan, Ấn Độ.



H ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (Tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM (Tiếp theo)

Công tác sản xuất

- Chất lượng sản phẩm là tiêu chí hàng đầu mà Công ty đặc biệt quan tâm. Vì thế các sản phẩm đều được kiểm tra kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng được xuất khẩu bằng việc Công ty liên tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HALAL, HACCP ASC/MSC ...nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng.
 - » Công ty đã thực hiện duy trì tái đánh giá và được Chứng nhận BRC8, ISO 22000, HACCP, HALAL.
 - » Tiếp tục duy trì Chất lượng của Nhà máy xuất khẩu sang các thị trường khó tính hiện tại như: Nhật Bản, EU, Hàn Quốc, Mỹ, Trung Đông...
 - » Hằng năm Công ty tuân thủ đào tạo để nâng cao ý thức của toàn bộ CB CNV về:
 - Đào tạo An toàn PCCC, Cứ hộ cứu nạn do Đội Cảnh sát PCCC Huyện thực hiện đào tạo.
 - Đào tạo về Sơ cấp cứu cho đội sơ cấp cứu Nhà máy do Hội Chữ Thập Đỏ địa phương thực hiện.
 - Thực hiện đào tạo nội bộ cho CBCNV Phòng máy về ATLD,
 - Đào tạo 100% cho công nhân tân tuyển về ATTP-VSCN, định kỳ hằng năm đào tạo ATTP-VSCN cho toàn bộ Công nhân tham gia sản xuất, định kỳ 3 năm/ lần Đào tạo kiến thức ATVSTP cho toàn CBCNV Nhà máy do NafiQuad thực hiện.
- Ngoài ra Công ty còn tổ chức đào tạo cho đội ngũ Nhân viên của Nhà máy do nội bộ và bên ngoài thực hiện về: Thực hiện kiểm soát điểm CCP, đào tạo thực hiện tuân thủ thủ tục BRC, ISO, HACCP, HALAL...
 - » Công ty thực tăng cường kiểm soát các mục tiêu sản xuất liên quan đến:
 - Kiểm soát Định mức nguyên liệu.
 - Chi phí Điện, Nước, kiểm soát MMTB.
 - Kiểm soát mục tiêu về Chất lượng sản phẩm.
 - Kiểm soát chi phí khác trong hoạt động sản xuất: chi phí tái chế, thay bao bì...
 - Kiểm soát mục tiêu đầu tư MMTB.

Công tác sản xuất

- Thực hiện phát triển sản phẩm mới, trong năm 2022 Công ty thực hiện:
 - Phát triển 6 sản phẩm mới mang công thức riêng bán ra thị trường.
 - Phát triển 3 Công thức sản phẩm theo nhu cầu của khách hàng.
 - Thực hiện cải tiến quy trình, thiết bị nhằm giảm công lao động, định mức so với kế hoạch.
 - Đã trang bị thêm các MMTB cho nhà máy gồm: 2 Máy ngắt nhân, 1 Máy trộn, máy phân size, 1 Hệ thống máy cán bột – đánh bột, Hệ thống máy tẩm bột, Hệ thống lò chiên băng tải Chà giò nhằm cải thiện sản xuất nâng cao năng suất lao động. Ước tính các MMTB đầu tư thay thế 28 lao động có tay nghề và tăng năng suất sản xuất từ 5-10%.
- Lực lượng lao động phổ thông liên tục giảm, đa số công nhân mới tuyển có tay nghề thấp năng suất thấp, để khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động, Công ty đã áp dụng đồng thời các biện pháp sau:
 - » Tìm kiếm các nguồn cung ứng, Nhà cung cấp lao động.
 - » Xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, đào tạo, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển để thu hút lao động. Cải tạo nhà lưu trú cho công nhân.
 - » Xây dựng chính sách để giữ công nhân, lao động có tay nghề, xem xét đơn giá lương sản phẩm điều chỉnh tăng phù hợp.
 - » Tăng cường cải tiến quy trình sản xuất, tiếp tục cải thiện điều kiện thiết bị và áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.



H ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (Tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM (Tiếp theo)

Công tác mua hàng

Trong năm tài chính 2022, có rất nhiều biến cố ảnh hưởng đến hàng hóa nguyên liệu đầu vào, đó là ảnh hưởng do dịch Covid-19 và giá nhiên liệu tăng cao nên đã tác động nhiều vào giá của nguyên liệu. Tuy nhiên công ty vẫn duy trì các phương án tối ưu chủ động nhất về nguồn nguyên liệu để giảm thiểu ảnh hưởng từ thị trường về giá cả.

Trong đó phải kể đến là giá tôm nguyên liệu trong nước tăng cao, để chủ động nguồn nguyên liệu này Công ty duy trì nhập khẩu tôm nguyên liệu từ nước ngoài để tạo được nguồn cung ổn định và giá thành cạnh tranh nhằm đáp ứng nhu cầu các đơn hàng.

Xây dựng các công ty đầu mối về mặt hàng đánh bắt để hàng hóa được ổn định, đánh giá mùa vụ từng mặt hàng cần thiết để mua dự trữ cho sản xuất quanh năm.



Công tác tài chính kế toán

Thực hiện quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kiểm soát tốt công nợ phải thu của khách hàng, không phát sinh nợ quá hạn, nợ khó đòi.

Đảm bảo tối đa việc chi lương và các chế độ phụ cấp cho CBCNV đúng thời hạn.

Quản lý tốt hàng hoá tồn kho, kiểm soát tốt chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn, hiệu quả hoạt động của Công ty.

Hoàn thành báo cáo tài chính đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.

Nhiệm vụ của công ty đại chúng đã niêm yết

Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ công bố thông tin theo quy định đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như: Công bố các thông tin liên quan Đại Hội đồng cổ đông; Nghị quyết số 01.2022/NQ-ĐHĐCĐ và Biên bản họp ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2022, Công bố các thông tin liên quan đến sự thay đổi nhân sự, Công bố Quy chế quản trị và Điều lệ, Báo cáo thường niên năm 2022, báo cáo tình hình quản trị năm 2022, Báo cáo tài chính quý 1, quý 2, quý 3, quý 4/2022 và công bố thông tin bất thường, v.v....



Công tác nhân sự, lao động, tiền lương và chính sách chế độ

Thực hiện, hoàn thiện cấu trúc tổ chức; Chức năng nhiệm vụ, Mô tả công việc; Định biên nhân sự các phòng ban.

Tim kiếm và bổ sung thêm các nguồn cung ứng lao động trên các trên website: VietNamwork, Mywork, Timviecnhanh; Tuyển dụng lao động phổ thông cho Nhà máy.

Xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển: Đào tạo tay nghề cho công nhân mới; Hỗ trợ lương cho học việc.

Xây dựng chính sách để giữ công nhân, lao động có tay nghề.

Tổ chức bữa ăn cho CBCNV luôn đảm bảo, đủ lượng, đủ chất và an toàn vệ sinh thực phẩm.

BCHCĐ và Cán bộ quản lý đã tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời đối với các trường hợp CBCNV có hiếu hi, ốm đau, thai sản, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn...

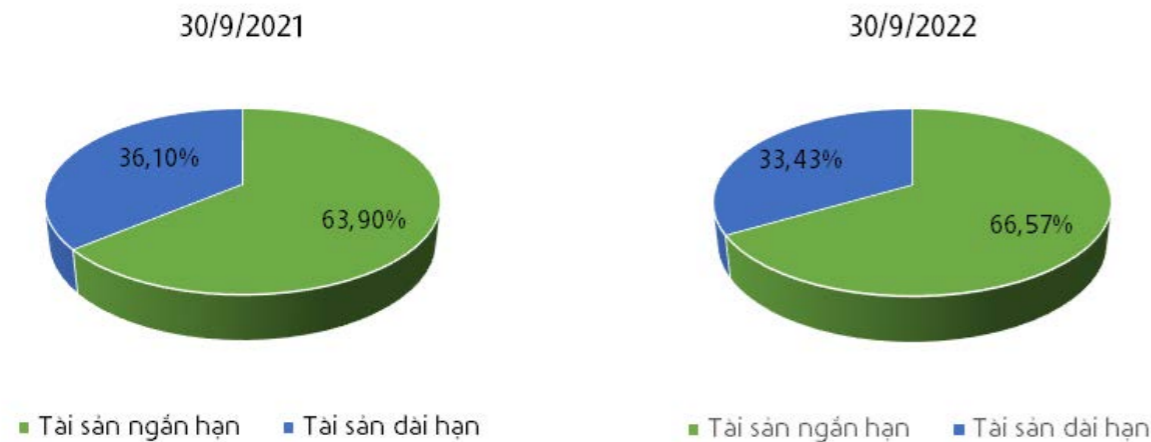
BCHCĐ đã kết nối với Quỹ Trái Tim Hùng Hậu động viên tinh thần và hỗ trợ hiện kim cho NLD nhiều trường hợp; Quỹ Trái Tim Hùng Hậu đã tổ chức mừng Giáng sinh cho các em nhỏ gia đình khó khăn bằng những món quà thiết thực ở 2 nhà máy HA1, HAF.



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	30/09/2021		30/09/2022		% tăng/giảm 2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	618.111	63,90%	672.254	66,57%	8,76%
Tài sản dài hạn	349.137	36,10%	337.524	33,43%	-3,33%
Tổng tài sản	967.248	100,00%	1.009.778	100,00%	4,40%



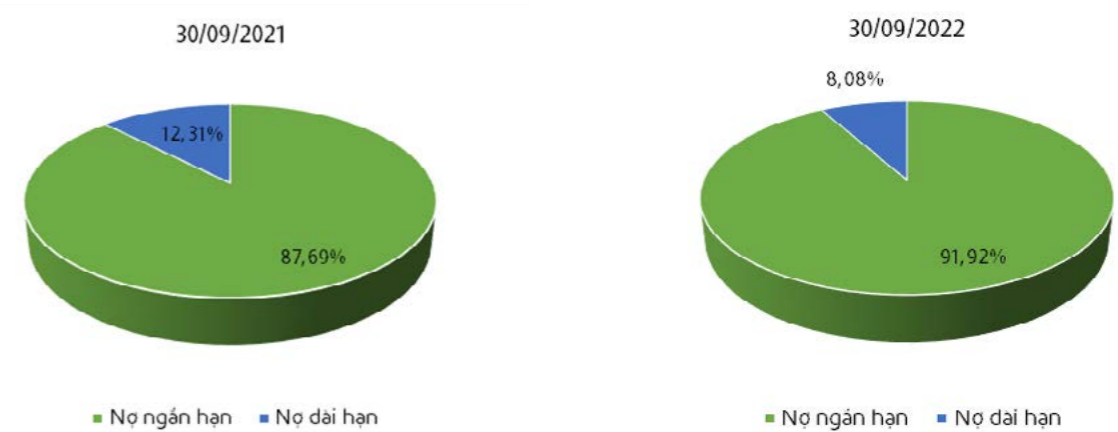
Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Công ty tại thời điểm 30/9/2022 không biến động mạnh so với thời điểm 30/9/2021. Giá trị tài sản thời điểm 30/9/2022 đạt 1.009.778 triệu đồng, tăng 4,40%, tương ứng tăng 54.543 triệu đồng so với 967.248 triệu đồng năm tài chính 2021. Là một doanh nghiệp sản xuất, do đó tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng nhiều hơn so với tài sản dài hạn, trong đó, tại thời điểm 30/9/2022 tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 66,57% và tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng là 33,34% trong cơ cấu tổng tài sản.

- Tài sản ngắn hạn:** Tính đến 30/9/2022, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt giá trị là 672.254 triệu đồng, tăng 8,76% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính là do hàng tồn kho tăng 36.852 triệu đồng. Tại thời điểm 30/9/2022, Công ty tích trữ thành phẩm để phục vụ nhu cầu của các đơn đã đặt hàng và đã được kí hợp đồng, nhằm đảm bảo cho việc cung cấp đủ số lượng hàng cần cung cấp. Bên cạnh đó, Ban điều hành thực hiện chính sách chủ động tích trữ nguyên vật liệu đầu vào nhằm để phòng sự biến động của chi phí đầu vào trong bối cảnh giá nguyên vật liệu biến động và có xu hướng gia tăng kể từ đầu năm đến nay. Ngoài ra, khoản tiền và tương đương tiền biến động tăng mạnh từ 5.468 triệu đồng lên 32.052 triệu đồng vào cuối năm tài chính năm 2022, tăng 26.584 triệu đồng, tương đương với tăng 486,18% so với cùng kỳ năm trước. Hầu hết khoản này được gửi ngân hàng không kỳ hạn (30.905 triệu đồng) để phục vụ cho kế hoạch kinh doanh sắp tới.
- Tài sản dài hạn:** Tài sản dài hạn cuối năm tài chính 2022 đạt 337.524 triệu đồng, giảm 3,33% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính là do tăng khoản mục khấu hao tài sản cố định hữu hình. Trong năm, máy móc thiết bị của SJ1 thuê của công ty cho thuê tài chính đã kết thúc thời hạn thuê, nên SJ1 đã mua lại phần máy móc thiết bị đó.

NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	30/09/2021		30/09/2022		% tăng/giảm 2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	593.039	87,69%	646.347	91,92%	8,99%
Nợ dài hạn	83.251	12,31%	56.826	8,08%	-31,74%
Tổng nợ phải trả	676.289	100,00%	703.172	100,00%	3,98%



Tại thời điểm 30/9/2022, Tổng nợ phải trả của Công ty đạt 703.172 triệu đồng, ghi nhận mức tăng 3,98% so với cùng kỳ năm trước. Với đặc thù là ngành sản xuất và chế biến thủy sản đòi hỏi cần phải xoay vòng nguồn vốn liên tục, do đó nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nợ phải trả, chiếm tỷ trọng là 91,92% tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2022. Trong năm, nợ ngắn hạn tăng 8,99% từ 593.039 triệu đồng cuối năm tài chính 2021 lên 646.347 triệu đồng cuối năm tài chính 2022, chủ yếu đến từ các khoản vay tài chính ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nợ dài hạn chiếm tỷ trọng 8,08% tổng tài sản tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2022, giảm 31,74% so với cùng kỳ năm 2021, nguyên nhân chính là do Công ty trả một phần các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín nhằm giảm bớt gánh nặng chi phí lãi vay.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- » Trong năm tài chính 2022, nhằm duy trì sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban điều hành chú trọng vào việc phát triển chính sách lương thưởng, đãi ngộ đối với các bộ công nhân viên, đồng thời thu hút thêm nhiều nhân tài tham gia vào đội ngũ nhân sự trong Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng cải tiến quy trình sản xuất, đầu tư máy móc thiết bị để tăng năng suất sản xuất, giảm bớt quy trình sản xuất cho người lao động. Ngoài ra, các quy trình đều được Công ty rà soát, để đảm bảo không có rủi ro tiềm ẩn gây nguy hiểm cho người lao động và giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.
- » Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của từng bộ phận, trong năm tài chính 2022, Công ty đã tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo riêng theo đặc thù của từng bộ phận cho Công ty. Từ đó để hoàn thiện và đưa ra các biện pháp cải tiến phù hợp.
- » Xây dựng và cải tiến quy trình hoạt động, quy chế quản lý thống nhất cho toàn hệ thống Công ty. Ngoài ra, triển khai đưa vào vận hành các phần mềm quản lý, quản trị hỗ trợ các quy trình hoạt động của Công ty.
- » Ban lãnh đạo Công ty luôn tìm kiếm, nghiên cứu, học hỏi để đưa ra những bước cải tiến về chính sách quản lý nhằm đảm bảo cho việc quản lý được hiệu quả, tiết kiệm chi phí nhưng vẫn duy trì và phát triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng những cải tiến về máy móc thiết bị cũng như công nghệ vào các quy trình giám sát quá trình sản xuất kinh doanh, nhằm giảm bớt nguồn lực lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- » Cải tiến phương án kinh doanh, chính sách bán hàng phù hợp theo thời vụ, luân chuyển vốn nhanh chóng.
- » Ngoài ra, Công ty tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên được học các khóa học về quản lý, kỹ năng bán hàng,... nhằm đạt được mục tiêu định hướng phát triển lâu dài.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH, KINH DOANH

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2023
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.500.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	36.000

Tổng doanh thu đạt

1.500.000 Triệu đồng

Lợi nhuận trước thuế đạt

36.000 Triệu đồng



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2022, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2022 và báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2022 của Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tiếp tục củng cố và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm từ nguồn nguyên vật liệu, sản xuất chế biến đến phân phối, trong đó nhấn mạnh tiêu chí an toàn và chất lượng. Do đó, Công ty không ngừng nỗ lực cải tiến quy trình sản xuất chế biến, sử dụng máy móc thiết bị và áp dụng công nghệ hiện đại, an toàn và thân thiện với môi trường, giảm tối đa tiêu thụ năng lượng, đảm bảo an toàn và đem nhiều lợi ích đến cộng đồng.

Trong quá trình chế biến, các loại chất thải được cắt giảm và tái chế để hạn chế tối đa khả năng gây ô nhiễm. Nước thải được Công ty xử lý đạt chuẩn trước khi xả ra ngoài, tránh gây ô nhiễm đến môi trường xung quanh nhà máy,... Những biện pháp như trên giúp cho Công ty không xảy ra bất cứ vi phạm nào về môi trường, đảm bảo quá trình sản xuất và chế biến được diễn ra liên tục và thuận lợi.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với mỗi người lao động vào làm việc, Công ty đều đảm bảo có một công việc phù hợp, có thu nhập và phúc lợi xứng đáng. SJ1 đã và đang tạo việc làm ổn định cho người lao động, đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho họ, chăm lo đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động, xây dựng mối quan hệ bền vững hài hòa trong Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng chính sách chăm lo cho người lao động thỏa đáng để giữ chân người lao động giỏi, cung cấp thông tin về quyền lợi cá nhân, người lao động, thông tin về an toàn, sức khỏe trong quá trình làm việc. Công ty cũng đào tạo cho người lao động về đảm bảo an toàn, sức khỏe trong điều kiện sản xuất chế biến.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Là Công ty sản xuất và chế biến thủy sản, Công ty luôn xem đảm bảo an toàn và chất lượng sản phẩm là tiêu chí hàng đầu. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm được duy trì và phát huy tốt thông qua việc vận hành các hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HACCP, HALAL... để kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng, đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu thị trường.



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



H ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

✓ Chi tiêu sản xuất kinh doanh, tài chính

- Doanh thu thuần đạt 1.333.178.991.856 đồng, bằng 118,80% so với năm 2021.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 20.246.101.317 đồng, bằng 67,49% kế hoạch năm 2022 và bằng 124,95% so với năm 2021.
- Tổng tài sản tại ngày 30/09/2022 đạt 1.009.778.317.005 đồng, tăng 4,40% so với cùng thời điểm của năm 2021.
- Tài sản ngắn hạn tại ngày 30/9/2022 đạt 672.253.898.039 đồng, tăng 8,76% so với cùng thời điểm của năm 2021.
- Tài sản dài hạn tại ngày 30/09/2022 đạt 337.524.418.966 đồng, đạt 96,67% so với cùng thời điểm của năm 2021.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/09/2022 đạt 306.605.859.192 đồng, tăng 5,38% so với cùng thời điểm của năm 2021.

✓ Vốn điều lệ:

Tăng trưởng vốn điều lệ sau đợt phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm tài chính 2021, đảm bảo nguồn vốn: 234.851.540.000 đồng.

✓ Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực:

- Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ về bảo hiểm, tiền lương, tiền thưởng và các phúc lợi theo quy định của Nhà nước và Công ty.
- Bổ sung các chức danh quản lý, điều hành nhằm khuyến khích phát triển nhân lực cũng như tăng cường công tác giám sát và thúc đẩy hoạt động của Công ty.
- Duy trì chế độ thưởng hằng tháng theo kết quả kinh doanh.



✓ Chi tiêu sản xuất kinh doanh, tài chính

- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm được duy trì và phát huy tốt thông qua việc vận hành các hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HACCP, HALAL... để kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng, đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu thị trường.
 - » Công ty đã thực hiện duy trì tái đánh giá và được Chứng nhận BRC8, ISO 22000, HACCP, HALAL.
 - » Tiếp tục duy trì Chất lượng của Nhà máy xuất khẩu sang các thị trường khó tính hiện tại như: Nhật Bản, EU, Hàn Quốc, Mỹ, Trung Đông...
 - » Hằng năm, Công ty tuân thủ đào tạo để nâng cao ý thức của toàn bộ CBCNV về:
 - Đào tạo An toàn PCCC, Cứ hộ cứu nạn do Đội Cảnh sát PCCC Huyện thực hiện đào tạo.
 - Đào tạo về Sơ cấp cứu cho đội sơ cấp cứu Nhà máy do Hội Chữ Thập Đỏ địa phương thực hiện.
 - Thực hiện đào tạo nội bộ cho CBCNV Phòng máy về ATLD,
 - Đào tạo 100% cho công nhân tân tuyển về ATTP-VSCN, định kỳ hằng năm đào tạo ATTP-VSCN cho toàn bộ Công nhân tham gia sản xuất, định kỳ 3 năm/ lần Đào tạo kiến thức ATVSTP cho toàn CBCNV Nhà máy do NafiQuad thực hiện.
- Ngoài ra, Công ty còn tổ chức đào tạo cho đội ngũ Nhân viên của Nhà máy do nội bộ và bên ngoài thực hiện về: Thực hiện kiểm soát điểm CCP, đào tạo thực hiện tuân thủ thủ tục BRC, ISO, HACCP, HALAL...
- Theo dõi cải tiến quy trình, thiết bị nhằm tăng hiệu suất và hiệu quả.
- Đã trang bị thêm máy móc thiết bị cho 2 nhà máy gồm: 2 Máy ngắt nhân, 1 Máy trộn, máy phân size, 1 Hệ thống máy cán bột – đánh bột, Hệ thống máy tấm bột, Hệ thống lò chiên băng tải Chà giò nhằm cải thiện sản xuất nâng cao năng suất lao động. Ước tính các MMTB đầu tư thay thế 28 lao động có tay nghề và tăng năng suất sản xuất từ 5-10%.
- Lực lượng lao động phổ thông liên tục giảm, đa số công nhân mới tuyển có tay nghề thấp năng suất thấp, để khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động, Công ty đã áp dụng đồng thời các biện pháp sau:
 - » Tìm kiếm các nguồn cung ứng, Nhà cung cấp lao động;
 - » Xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, đào tạo, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển để thu hút lao động. Cải tạo nhà lưu trú cho công nhân.
 - » Xây dựng chính sách để giữ công nhân, lao động có tay nghề, xem xét đơn giá lương sản phẩm điều chỉnh tăng phù hợp.
 - » Tăng cường cải tiến quy trình sản xuất, tiếp tục cải thiện điều kiện thiết bị và áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, giải pháp khắc phục khó khăn và tận dụng cơ hội trong năm tài chính 2022

Trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực vì sự phát triển của Công ty, thường xuyên xin ý kiến HĐQT trên các lĩnh vực:

- Thực hiện quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT để triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- Tình hình tài chính được kiểm soát hiệu quả.
- Thực hiện quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, minh bạch, giúp cho các nhà đầu tư hiểu rõ về Công ty.
- Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị đúng quy định, nhanh chóng và tiết kiệm, đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đổi mới, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty; thực hiện tốt các chính sách tiền lương, điều kiện ăn ở, sinh hoạt và chế độ phúc lợi cho người lao động, qua đó đảm bảo việc làm và đời sống ổn định cho người lao động
- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho từng thành viên điều hành các công việc trong Công ty, thực hiện triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của HĐQT đến các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ để thực hiện.
- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2022:
 - » Lợi nhuận kế toán trước thuế là 20.246 triệu đồng, đạt 67,49% so với kế hoạch năm 2022 là 30.000 triệu đồng.
 - » Về điều hành sản xuất và quản lý chất lượng: Thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm TCVN ISO 9001:2008; tiêu chuẩn BRC; ASC; HALAL; HACCP và theo tiêu chuẩn của khách hàng.
 - » Về chế độ chính sách cho người lao động: Công ty thực hiện đúng Luật lao động, hợp đồng lao động, việc chi trả lương/thưởng theo đúng chính sách Công ty quy định.
- Về công tác tài chính: Công ty luôn có những quyết định tài chính đúng đắn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.500.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	36.000
3	Cổ tức dự kiến	%/ năm	Từ 8 – 10%



Tổng doanh thu hợp nhất đạt

1.500 tỷ đồng

36 tỷ đồng
lợi nhuận trước thuế



CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

- Dự kiến khởi công xây dựng Nhà máy Happyfood VietNam trong quý I.2023.
- Tập trung khai thác thị trường hiện có, đặc biệt chú trọng đến thị trường Trung Quốc, UAE.
- Tiếp tục đưa thương hiệu HungHau ra nước ngoài bằng cách thể hiện logo HungHau trên các bao bì xuất khẩu; quảng bá thương hiệu HungHau thông qua các khách hàng hiện hữu như: GDF, EMI, KOH... và thông qua các hội chợ trong và ngoài nước, các mạng xã hội và kênh B2B khác.
- Đẩy mạnh phát triển thêm các sản phẩm nhãn hiệu Happyfood trong thị trường nội địa, đa dạng mặt hàng mới như Chả lụa, xúc xích, bánh hải sản ăn liền, bánh trái cây.... tăng cường quảng bá sản phẩm trên các phương tiện truyền thông đại chúng.
- Tham gia hiệp hội Am Cham/ Euro Cham, các hội nghị/ diễn đàn xúc tiến và kết nối giao thương, các kênh bán hàng B2B....
- Phát triển mạnh mẽ hàng GTGT và nông sản tại thị trường Nga, Trung Quốc và mở rộng phát triển mặt hàng Tôm nguyên liệu tại thị trường Châu Á (Hàn quốc, Singapore, Trung Quốc..) và Châu Âu (Pháp, Bỉ, Hà Lan...).
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, kết hợp với các khách hàng nước ngoài sẵn có thiết lập mối quan hệ mua bán song phương, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi cũng như nghiên cứu tạo ra các dòng sản phẩm hoàn toàn từ thiên nhiên, an toàn cho sức khỏe, đạt chất lượng cao, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Đưa vào vận hành hệ thống chăm sóc khách hàng Dynamic Sales 365.
- Liên tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HALAL, HAC-CP; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng;

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

- Thực hiện rà soát, theo dõi và thực hiện các biện pháp cải tiến đáp ứng mục tiêu về:
 - » Mục tiêu Sản lượng
 - » Mục tiêu Định mức
 - » Mục tiêu Chất lượng
 - » Mục tiêu về Kỹ thuật Cơ điện
 - » Mục tiêu Đầu tư MMTB
 - » Mục tiêu Phát triển sản phẩm mới.
- Dự kiến đầu tư MMTB giảm công lao động và tăng năng suất như: Băng tải chế biến tự động, bàn băng tải trong sản xuất, các MMTB khác.
- Thực hiện kiểm soát Nguyên liệu đầu vào theo đúng tiêu chuẩn nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng khó tính như: Nhật Bản, EU, Hàn Quốc...
- Tiếp tục duy trì thực hiện công tác đào tạo CBCNV về Phòng cháy chữa cháy- Cứu hộ cứu nạn, Chất lượng ATVSTP, Đào tạo kiến thức về BRC, ISO, HACCP..., Vận hành MMTB ...
- Tiếp tục duy trì môi trường làm việc thân thiện, gắn kết, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau với phương châm xây dựng tập thể Công ty như một gia đình thứ hai. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp giữ chân Công nhân và tăng cường tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất của Nhà máy.
- Tiếp tục theo dõi sát tình hình biến động giá nguyên liệu trên thị trường (tôm, bạch tuộc, cá ...) để điều chỉnh việc mua hàng trong nước và nhập khẩu phù hợp.
- Chủ động tích trữ một số nguyên liệu có giá cả tốt dựa vào nhu cầu đặt hàng của khách hàng.
- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng kịp thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện cung cấp kịp thời các số liệu báo cáo để thực hiện dự án nhà máy HAH.
- Hoàn thành báo cáo tài chính đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản chế độ chính sách;
- Tuyển dụng hoặc đào tạo phát triển thêm cán bộ quản lý kinh doanh;
- Bổ sung thêm các nguồn cung ứng, Nhà cung cấp lao động phổ thông cho Nhà máy;
- Xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển;
- Xây dựng chính sách để giữ công nhân, lao động có tay nghề.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ủy ban kiểm toán

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán



THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Thông tin được cập nhật đến ngày 30/09/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	TỬ THANH PHỤNG	Chủ tịch HĐQT	154.716	0,66%	Từ 02/12/2021
2	PHẠM THỊ MINH NGUYỆT	Phó Chủ tịch HĐQT	100.999	0,43%	Từ 02/12/2021
3	VŨ QUANG CHÍNH	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	65.953	0,30%	Từ: 25/12/2021
4	TRẦN THANH HƯƠNG	Thành viên HĐQT	95.434	0,41%	Từ 28/12/2019
5	HUỶNH THANH	Thành viên HĐQT	94.124	0,40%	Từ: 28/12/2019
6	TỔNG VĂN TÙNG	Thành viên HĐQT	2.578	0,01%	Đến 02/03/2022
7	TÔN THẮT ĐIÊN KHOA	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,01%	Từ 28/12/2019



Lý lịch Hội đồng quản trị



ÔNG TỬ THANH PHỤNG - CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 1975

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Trà Vinh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1999 – 2007: Công tác tại Công ty CP Thủy sản Cửu Long.
- Từ 2007 – 2010: Học Thạc sĩ Tài chính – Kế toán tại Mỹ.
- Từ 2011 – 05/2014: Công tác tại CTCP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 04/2012 – 04/2014: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản số 1).
- Từ 04/2014 – 26/09/2017: Thành viên HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản số 1).
- Từ 06/2014 – 02/10/2017: Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản số 1).
- Từ 26/09/2017 – 14/01/2019: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản số 1).
- Từ 14/01/2019 – 02/12/2021: Thành viên HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản số 1).
- Từ 15/12/2020 - 02/12/2021: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu
- Từ 02/12/2021- nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2022:

- Sở hữu cá nhân: 154.716 cổ phần phổ thông (chiếm 0,66% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 1.055.034 cổ phần (chiếm 4,49% vốn điều lệ).

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT



BÀ PHẠM THỊ MINH NGUYỆT - PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 1983
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Tiền Giang
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật học

Quá trình công tác:

- Từ 2006 đến 2007: Trợ lý GĐSX Công ty TNHH Tiếp thị ứng dụng Thông Thái
- Từ 2007 đến 2008: Tư vấn pháp lý Công ty TNHH Tư vấn & Quản lý Liên Hiệp Việt
- Từ 2008 đến 2013: Chuyên viên pháp chế Công ty TNHH Phần mềm Đông Nam Á
- Từ 2013 đến 2017:
 - + Chuyên viên pháp chế CTCP Phát triển Hùng Hậu
 - + Chuyên viên Văn phòng Chủ tịch HĐQT CTCP Phát triển Hùng Hậu + Giảng viên thỉnh giảng tại Trường ĐH Văn Hiến
 - + Chánh VP. Ban điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 11/2017 đến 01/5/2019: + Phó Tổng GĐ CTCP Giáo dục Hùng Hậu + Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến
- Từ 02/5/2019 đến nay: Giám đốc điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 28/12/2019 – 27/11/2021: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu
- Từ 02/12/2021- nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2022:

- Sở hữu cá nhân: 100.999 cổ phần phổ thông (chiếm 0,43% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 2.375.936 cổ phần (chiếm 10,12% vốn điều lệ).

ÔNG VŨ QUANG CHÍNH - THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

(Số yếu lý lịch (SYLL) của ông Vũ Quang Chính xem mục Lý lịch của Ban điều hành Phần 2)



ÔNG TRẦN THANH HƯƠNG - THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1972
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành Cơ khí ô tô;
Cử nhân chuyên ngành Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 02/1992 – 09/1995: Công nhân kỹ thuật Công ty Công trình thủy, Chi nhánh TP.HCM.
- Từ 09/1995 – 04/1999: Học đại học, Khoa Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Văn Lang.
- Từ 05/1999 – 12/2001: Nhân viên - Phó phòng - Trưởng phòng HCNS Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng tiêu dùng Bình Tân (Bita's).
- Từ 01/2002 – 12/2005: Trưởng phòng HCNS - Giám đốc HCNS Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Toàn Mỹ, Giám đốc Công ty TNHH SX-TM Toàn Mỹ - Hà Nội.
- Từ 01/2006 – 12/2006: Trưởng phòng Tổ chức Chính trị - Lao động tiền lương Công ty Viễn thông Quân đội Viettel Mobile.
- Từ 01/2007 – 12/2007: Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Đất Quảng (Datkeys).
- Từ 01/2008 – 12/2009: Giám đốc Công ty TNHH Misawa.
- Từ 01/2010 – 03/2013: Giám đốc HCNS CTCP Đầu tư Xây dựng Tân Bình.
- Từ 04/2013 – 07/2016: Phó Giám đốc HCNS - Giám đốc HCNS CTCP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 08/2016 – 03/05/2017: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu.
- Từ 03/2017 – 03/05/2017: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu.
- Từ 03/05/2017 – 02/10/2017: Phó Tổng Giám đốc Thường trực CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản Số 1).
- Từ 02/10/2017 – 05/09/2019: Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản Số 1).
- Từ 28/12/2019 -15/12/2020: Phó chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu
- Từ 15/12/2020 - Nay: Thành viên HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Thành viên HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2022:

- Sở hữu cá nhân: 95.434 cổ phần phổ thông (chiếm 0,41% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 1.784.332 cổ phần (chiếm 7,60% vốn điều lệ).

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT



BÀ HUỖNH THANH - THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1978
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Quá trình công tác:

- Từ 2001 – 2006: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại Mỹ Anh.
- Từ 2006 – 2012: Quản lý nhóm Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Tư vấn Đông Khởi.
- Từ 2014 – 2018: Trưởng Ban Kiểm Soát CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản Số 1).
- Từ 2015 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 04/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản Số 1).
- Từ 12/2019 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu.
- Từ 02/2020 - nay: Giám đốc Điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu.

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Thành viên HĐQT không điều hành

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu; Giám đốc Điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2022:

- Sở hữu cá nhân: 94.124 cổ phần (chiếm 0,40% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 844.027 cổ phần (chiếm 3,59% vốn điều lệ).



ÔNG TỐNG VĂN TÙNG - THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1982
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính Ngân Hàng

Quá trình công tác:

- Từ 2002 – 2007: Tự kinh doanh.
- Từ 2008 – 2012: Học Đại học tại Trường Đại Học Văn Hiến.
- Từ 2013 – 02/2014: Làm việc tại Công ty CTCP Hùng Hậu.
- Từ 03/2014 – 08/2015: Tổng Giám đốc CTCP Thủy Sản Số 9.
- Từ 9/2015 – 10/2016: Phó Phòng Chuỗi Cung ứng CTCP Nông Nghiệp Hùng Hậu.
- Từ 11/2016 – 04/2017: Giám Đốc Công ty TNHH Nha Mân.
- Từ 05/2017 - nay: Giám Đốc Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu.
- Từ 05/2018 – 22/12/2020: Phó Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- Từ 22/12/2020- 03/2022: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Không

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám Đốc Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu.

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2022:

- Sở hữu cá nhân: 2.578 cổ phần phổ thông (chiếm 0,01% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT



ÔNG TÔN THẮT DIÊN KHOA - THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Năm sinh: 1974
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng .

Quá trình công tác:

- Từ 08/1995 – 10/1999: Nhân viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 11/1999 – 11/2000: Kiểm soát viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 12/2000 – 04/2004: Phó phòng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 05/2004 – 06/2006: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 07/2006 – Nay: Giám đốc Đầu tư tài chính – Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 03/2008 – Nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Vinaconex – ITC.
- Từ 04/2018 - nay: TV HĐQT CTCP Khoáng sản và xây dựng Bình Dương
- Từ 04/2018 - nay: TV Ban kiểm soát Tổng công ty CP Bảo hiểm Bào Long
- Từ 12/2019 – Nay: Thành viên HĐQT độc lập CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Thành viên HĐQT độc lập

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Sở cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2022:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu hoạt động theo mô hình không có Ban kiểm soát, thay vào đó thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

Các tiểu ban đã thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Tiểu ban Chiến lược

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Từ Thanh Phụng	Trưởng tiểu ban
2	Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên



Tiểu ban Chiến lược

Các công tác đã thực hiện được năm tài chính 2022:

- Tham mưu cho HĐQT định hướng hoạt động ngắn hạn và dài hạn, những mục tiêu mang tính chiến lược của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu; tham mưu HĐQT SJ1 các giải pháp xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của đơn vị.
- Nghiên cứu, phân tích, nhận định các điểm mạnh/ điểm yếu, các điểm khác biệt của SJ1 so với các công ty đối thủ trong ngành.
- Tìm kiếm và khai thác các quỹ đầu tư trong và ngoài nước trong lĩnh vực nông nghiệp/ thực phẩm để hỗ trợ cho vấn đề hoạt động của Công ty; tìm kiếm đối tác liên kết xây dựng các dự án, trung tâm phục vụ cho việc chứng nhận Halal của SJ1.
- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách, định hướng phát triển trong hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Nghiên cứu, phân tích, nhận định các thị trường chiến lược, thị trường tiềm năng trong thời gian tới cho hoạt động kinh doanh của Công ty, liên hệ với các đối tác Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Ấn Độ, Trung Quốc.... để có phương hướng liên kết, hợp tác để đảm bảo đầu ra cho các dự án mới của SJ1.
- Tham mưu công tác ứng phó trong khủng hoảng kinh tế và đối sách ứng phó thích hợp nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, ổn định.
- Phân tích, đánh giá, tham mưu về tình hình lãi suất, lạm phát, tỷ giá. Đối với lãi suất, nghiên cứu chính sách gói hỗ trợ 2% lãi suất cho doanh nghiệp, và chênh lệch lãi suất tín dụng USD đối với VND. Hỗ trợ tìm kiếm nhà cung cấp mới, đàm phán đối tác cũ để ổn định các nguồn nguyên liệu, chi phí đầu vào nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất sản phẩm vẫn giữ mức giá cạnh tranh. Về tỷ giá, định hướng phân khúc tìm kiếm thị trường mới, đa dạng hóa sản phẩm, kênh bán hàng để đáp ứng nhiều hơn nhu cầu khách hàng nhằm tăng nguồn thu ngoại tệ.
- Phân tích, đánh giá hệ thống phân phối các thị trường trong nước và ngoài nước, góp ý để xuất chiến lược, chính sách kinh doanh phù hợp với từng đối khách hàng.
- Đánh giá quy mô năng lực sản xuất các nhà máy, kho vận, góp ý để xuất cải tiến quy trình kỹ thuật công nghệ, đầu tư trang thiết bị, dây chuyền sản xuất tại nhà máy HA1 và HAF. Tham mưu các phương án đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, xác định công năng, quy mô xây dựng các nhà máy mới (dự án nhà máy HAH KCN Sa Đéc, Đồng Tháp và C2-1 KCN Tân Phú Trung, TpHCM).



Tiểu ban nhân sự - lương thưởng

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Trần Thanh Hương	Trưởng Tiểu ban
2	Bà Phù Thị Thùy Trang	Thành viên

Các công tác đã thực hiện được năm tài chính 2022:

Thực hiện các công tác tham mưu cho HĐQT:

- Tham mưu xây dựng Sơ đồ tổ chức và Phân cấp phân quyền.
- Tham mưu việc bổ nhiệm/ miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.
- Tham mưu việc ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, điều hành.
- Tham mưu các giải pháp nhân sự trong tình hình mở cửa sau dịch bệnh Covid-19 nhằm tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.
- Tham mưu thực hiện việc tiêm vaccine ngừa vaccin Covid-19 cho người lao động.
- Tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống, bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19.
- Tham mưu xây dựng chính sách chăm sóc y tế, hỗ trợ cho người lao động hậu Covid-19.
- Soát xét gói thù lao HĐQT năm 2021 và năm tài chính 2022.

Giám sát các hoạt động:

- Thực hiện Quy định tính thu nhập và các chính sách khen thưởng - chế tài của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các chính sách nhân sự/lương thưởng/hỗ trợ nhân sự.
- Tính tuân thủ các chính sách lương, thưởng; tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm cán bộ quản lý, điều hành cấp cao của Công ty.
- Hoạt động hoạch định nhân sự kế thừa.
- Giám sát việc chi thù lao HĐQT, các tiểu ban năm 2022



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm.

- Hội đồng Quản trị Công ty đã triển khai các hoạt động theo quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành. Trong năm tài chính 2022, HĐQT đã tổ chức 14 cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản.
- Các cuộc họp, thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản được chuẩn bị chu đáo, các nội dung sát với tình hình kinh tế xã hội như: giải pháp sản xuất kinh doanh, công tác quản trị và hỗ trợ nhân sự trong tình hình dịch bệnh, chiến lược thúc đẩy kinh doanh... Các nghị quyết hoặc các quyết định của HĐQT đều được các thành viên thống nhất 100%, đảm bảo phù hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước, nhờ đó ổn định hoạt động và tận dụng cơ hội phát triển.

Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	TỪ THANH PHỤNG	Chủ tịch HĐQT	14/14	100%	
2	PHẠM THỊ MINH NGUYỆT	Phó Chủ tịch HĐQT	14/14	100%	
3	VŨ QUANG CHÍNH	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	14/14	100%	
4	TRẦN THANH HƯƠNG	Thành viên HĐQT	14/14	100%	
5	HUỶNH THANH	Thành viên HĐQT	14/14	100%	
6	TỔNG VĂN TÙNG	Thành viên HĐQT	00/14	-	Từ nhiệm từ 03/2022
7	TÔN THẮT DIỄN KHOA	Thành viên độc lập	14/14	100%	



Hội đồng quản trị đã tổ chức 14 phiên họp, trong đó có 03 phiên họp trực tiếp và 11 phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1.	NQ số 01.2022/NQ-HĐQT	01/11/2021	Thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông thường niên năm tài chính 2022 và dự kiến chốt tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2022.
2.	NQ số 02.2022/NQ-HĐQT	02/12/2021	Thông qua việc bổ nhiệm Ông Từ Thanh Phụng (CMND số: 334049760) thay thế Bà Phạm Thị Minh Nguyệt giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, nhiệm kỳ 2020-2025.
3.	NQ số 03.2022/NQ-HĐQT	02/12/2021	Thông qua đơn xin từ nhiệm của Ông Tống Văn Tùng – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu. Bổ nhiệm ông Vũ Quang Chính giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
4.	NQ số 04.2022/NQ-HĐQT	04/12/2021	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên theo năm tài chính 2022.
5.	NQ số 05.2022/NQ-HĐQT	17/12/2021	Thông qua đơn xin từ nhiệm của Bà Nguyễn Thị Nga – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu. Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thanh Hà và Bà Nguyễn Yến giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
6.	NQ số 06.2022/NQ-HĐQT	02/03/2022	Thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu của ông Tống Văn Tùng.
7.	NQ số 07.2022/NQ-HĐQT	01/04/2022	Thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu của bà Phạm Thị Bích Như. Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Mỹ Diệu giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
8.	NQ số 08.2022/NQ-HĐQT	12/05/2022	thông qua nội dung Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
9.	NQ số 09.2022/NQ-HĐQT	31/05/2022	Thông qua nội dung: Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm tài chính từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2022 thông qua
10.	NQ số 10.2022/NQ-HĐQT	10/06/2022	Thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm chức vụ Thư ký Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu của bà Cao Trịnh Thị Thúy Vy. Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Minh Tuyến giữ chức vụ Thư ký Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
11.	NQ số 11.2022/NQ-HĐQT	17/06/2022	Thông qua nội dung: Chốt ngày 01/07/2022 là ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm tài chính từ 01/10/2020 đến 30/09/2021 với tỷ lệ thực hiện quyền 50:03
12.	NQ số 12.2022/NQ-HĐQT	25/06/2022	Thông qua nội dung: Tăng VDL của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu từ 221.560.600.000 đồng lên thành 234.851.540.000 đồng và các thủ tục pháp lý liên quan việc tăng VDL.
13.	NQ số 13A.2022/NQ-HĐQT	10/08/2022	Thông qua nội dung họp HĐQT bán niên 2022
14.	NQ số 13.2022/NQ-HĐQT	10/08/2022	Thông qua nội dung chấp nhận đơn từ nhiệm chức vụ người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu của bà Cao Trịnh Thị Thúy Vy. Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Minh Tuyến giữ chức vụ người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông Tôn Thất Diên Khoa – thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong năm đã tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, tiếp tục góp phần giúp Hội đồng quản trị giám sát, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Với kiến thức và kinh nghiệm của mình, thành viên HĐQT độc lập đã đưa ra những ý kiến xác thực, có chuyên môn và thể hiện tinh thần độc lập.

Kết quả đánh giá của Thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đã được triệu tập, thực hiện theo đúng các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh Công ty đã được Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét và đánh giá trong các cuộc họp định kỳ.
- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong các cuộc họp phù hợp với các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.
- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Các quyết định, hoạt động, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị đã có sự phối hợp tốt để đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời, đúng đắn để cố gắng hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty như sau:

Ông Từ Thanh Phụng - Chủ tịch HĐQT

Trong năm tài chính 2022, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty: Không có



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thông tin được cập nhật đến ngày 30/09/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Tôn Thất Diên Khoa	Chủ tịch UBKT	0	0%
2	Bà Huỳnh Thanh	Thành viên UBKT	94.124	0,40%
3	Ông Từ Thanh Phụng	Thành viên UBKT	154.716	0,66%

Danh sách thay đổi thành viên Ủy ban kiểm toán trong năm: Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN



Đánh giá hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm

- Trong năm 2022, Ủy Ban Kiểm toán đã tổ chức các cuộc họp định kỳ với mục đích thẩm định báo cáo tài chính từng quý/năm.
- Ủy ban Kiểm toán được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cuộc họp khác của Công ty.
- Ủy Ban Kiểm toán đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2022. Cụ thể như sau:
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2022 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Soạn thảo tham mưu Quy chế hoạt động của UB Kiểm toán trình Hội đồng quản trị thông qua
- Ủy Ban Kiểm toán đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm

ỦY BAN KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Kế hoạch định hướng năm 2023

- Ủy Ban Kiểm toán sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Ủy Ban Kiểm toán sẽ tiếp tục triển khai, thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty.
- Tham gia phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cũng như các Phòng ban để tăng cường hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra và giám sát các hoạt động của Công ty nhằm sớm phát hiện các vi phạm, thiếu sót để chấn chỉnh kịp thời theo đúng quy định.
- -Thường xuyên tham gia cùng HĐQT, Ban Điều hành hoàn thiện hệ thống các quy định (quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức chi phí kinh doanh...) về quản trị nội bộ Công ty.
- Giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023



Các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

Stt	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Tôn Thất Diên Khoa	04/04	100%	100%
2	Bà Huỳnh Thanh	04/04	100%	100%
3	Ông Từ Thanh Phụng	04/04	100%	100%

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Ủy ban kiểm toán đã tổ chức 04 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Ngày	Nội dung
1	28/10/2021	Thông qua số liệu BCTC năm 2021 cung cấp kiểm toán
2	10/01/2022	Thông qua số liệu BCTC Quý 1/2022
3	10/04/2022	Thông qua số liệu BCTC Quý 2/2022
4	10/07/2022	Thông qua số liệu BCTC Quý 3/2022



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị:

Đơn vị tính: Đồng

Họ và tên	Chức vụ		Năm trước	Năm nay
Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch		61.200.000	69.300.000
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch		72.000.000	69.300.000
Ông Trần Thanh Hương	Thành viên		54.000.000	54.000.000
Ông Tống Văn Tùng	Thành viên	Đến 02/03/2022	40.500.000	9.000.000
Bà Huỳnh Thanh	Thành viên		54.000.000	54.000.000
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên		54.000.000	54.000.000
Ông Vũ Quang Chính	Thành viên	Từ 25/12/2021	-	40.500.000
Cộng			335.700.000	344.700.000



Tiền lương, thưởng của thành viên Hội đồng quản trị có tham gia điều hành và Ban Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: Đồng

Họ và tên	Chức vụ		Năm trước	Năm nay
Ông Tống Văn Tùng	Tổng Giám đốc	Từ 22/12/2020 đến 02/12/2021	669.613.150	88.961.129
Ông Vũ Quang Chính	Tổng Giám đốc	Từ 02/12/2021	-	422.680.300
Ông Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	Đến 22/12/2020	66.969.200	360.387.345
Bà Nguyễn Thị Phương Như	Phó Tổng Giám đốc	Đến 05/05/2021	230.634.783	-
Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc		329.149.127	364.832.962
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc	Từ 22/12/2020 đến 17/12/2021	308.505.137	59.443.005
Ông Nguyễn Tú Kỳ	Phó Tổng Giám đốc		188.390.567	569.102.605
Bà Nguyễn Yến	Phó Tổng Giám đốc	Từ 17/12/2021	-	160.939.014
Bà Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Từ 17/12/2021	-	-
Cộng			1.793.261.964	2.026.346.360



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Mỗi quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %
Người nội bộ						
1	TÙ THANH PHỤNG	Chủ tịch HĐQT	103.487	0,47%	154.716	0,66%
2	PHẠM THỊ MINH NGUYỆT	Phó Chủ tịch HĐQT	59.047	0,27%	100.999	0,43%
3	VŨ QUANG CHÍNH	Thành viên HĐQT	31.149	0,14%	65.953	0,30%
4	TRẦN THANH HUONG	Thành viên HĐQT	53.797	0,24%	95.434	0,41%
5	HUỶNH THANH	Thành viên HĐQT	53.797	0,24%	94.124	0,40%
6	NGUYỄN THANH HÀ	Thành viên HĐQT	1.297	0,01%	3.995	0,02%
7	NGUYỄN YẾN	Thành viên HĐQT			2.620	0,01%
8	NGUYỄN THỊ MỸ DIỆU	Kế toán trưởng			-	-
9	TỔNG VĂN TÙNG	Thành viên HĐQT/ TGD (thời nhiệm 03/2022)	1.297	0,01%	2.578	0,01%
10	PHẠM THỊ BÍCH NHƯ	Kế toán trưởng (Thời nhiệm 1/2022)			-	-

Người có liên quan của Ông NGUYỄN VĂN DOL

1	NGUYỄN THỊ KIM MỊ	Con gái	612.801	2,77%	380.544	1,62%
---	-------------------	---------	---------	-------	---------	-------

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.:

Đơn vị tính: Đồng

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.099.044.696	32.075.319.604
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	1.393.860.717	1.268.001.398
Trường Đại Học Văn Hiến	Bên liên quan	30.325.521.542	24.262.288.803
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu	Bên liên quan	11.039.931.951	6.404.591.719
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Bên liên quan	339.730.486	140.437.684
Chi phí mua hàng hoá và tài sản			
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu	Bên liên quan	1.989.574.245	49.978.073.412
Giao dịch khác			
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	800.000.000	-

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Các hoạt động của Công ty trong năm 2022 thực hiện đúng theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán cũng như Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT.
- Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho Doanh nghiệp niêm yết.

06

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH 2022**

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2022.

Khái quát

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 01 tháng 08 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
-

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch	Từ ngày 02/12/2021
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch	Đến ngày 02/12/2021
Ông Từ Thanh Phụng	Phó Chủ tịch	Đến ngày 02/12/2021
Ông Trần Thanh Hương	Thành viên	
Ông Tống Văn Tùng	Thành viên	Đến ngày 02/03/2022
Bà Huỳnh Thanh	Thành viên	
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	
Ông Vũ Quang Chính	Thành viên	Từ ngày 25/12/2021

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Vũ Quang Chính	Tổng Giám đốc	Từ ngày 02/12/2021
Ông Tống Văn Tùng	Tổng Giám đốc	Đến ngày 02/12/2021
Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 17/12/2021
Ông Nguyễn Tú Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Yến	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 17/12/2021
Bà Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 17/12/2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

2138
CÔNG
TY
CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU
TP. HỒ CHÍ MINH



Vũ Quang Chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2022



Số: 03-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con, được lập ngày 10 tháng 12 năm 2022, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Phó Giám đốc

(Handwritten signature)

Nguyễn Ngọc Tuấn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2837-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2022

Kiểm toán viên

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4817-2019-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		672.253.898.039	618.111.253.989
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.052.180.967	5.467.950.812
1. Tiền	111		32.052.180.967	5.467.950.812
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		39.590.390.249	31.075.491.181
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	39.590.390.249	31.075.491.181
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		282.013.673.357	302.983.320.822
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	249.691.961.174	292.296.031.366
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.740.787.339	4.435.056.658
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	28.681.166.520	6.252.232.798
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.100.241.676)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	303.076.471.135	266.224.089.885
1. Hàng tồn kho	141		303.076.471.135	266.224.089.885
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.521.182.331	12.360.401.289
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2.025.221.405	1.655.037.540
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.440.846.317	10.705.363.749
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	55.114.609	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		337.524.418.966	349.136.856.822
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.809.271.449	7.400.970.635
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	3.809.271.449	7.400.970.635
II. Tài sản cố định	220		246.466.723.419	256.557.281.052
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	139.117.708.103	140.637.388.030
- Nguyên giá	222		249.197.126.671	234.098.092.089
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(110.079.418.568)	(93.460.704.059)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	14.446.402.705	21.818.858.591
- Nguyên giá	225		18.269.966.878	28.571.606.675
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.823.564.173)	(6.752.748.084)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	92.902.612.611	94.101.034.431
- Nguyên giá	228		102.281.820.014	102.281.820.014
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.379.207.403)	(8.180.785.583)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		13.468.035.736	8.162.945.534
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	13.468.035.736	8.162.945.534
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.475.500.000	34.475.500.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	900.000.000	900.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	31.325.500.000	31.325.500.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	250.000.000	2.250.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		41.304.888.362	42.540.159.601
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	41.304.888.362	42.540.159.601
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.009.778.317.005	967.248.110.811

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		703.172.457.813	676.289.389.938
I. Nợ ngắn hạn	310		646.346.705.392	593.038.542.111
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	33.212.624.936	72.399.811.078
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		901.914.263	2.597.987.019
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	8.763.937.462	9.094.655.458
4. Phải trả người lao động	314		3.539.906.528	2.619.608.651
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	83.214.156	84.611.188
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	6.494.609.884	7.175.487.484
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	593.350.459.855	499.066.342.925
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.308	38.308
II. Nợ dài hạn	330		56.825.752.421	83.250.847.827
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	10.603.469.162	16.263.122.165
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	4.000.000.000	9.659.604.447
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	42.074.818.737	57.328.121.215
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.17	147.464.522	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		306.605.859.192	290.958.720.873
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	306.605.859.192	290.958.720.873
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		234.851.540.000	221.560.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		234.851.540.000	221.560.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.428.827.960	46.428.827.960
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.011.297.455	5.011.297.455
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.324.293.777	17.968.095.458
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.293.509.679	5.179.902.831
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.030.784.098	12.788.192.627
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.009.778.317.005	967.248.110.811

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Ngày 10 tháng 12 năm 2022



Tổng Giám đốc

Vũ Quang Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.333.178.991.856	1.122.182.236.604
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.352.756.432	776.012.248
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.331.826.235.424	1.121.406.224.356
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.245.488.474.953	1.029.040.286.025
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		86.337.760.471	92.365.938.331
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	9.185.876.761	6.221.334.577
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	46.790.940.425	41.622.417.521
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.231.030.320	38.340.323.671
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	17.939.354.760	22.772.126.233
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	19.050.924.671	17.179.456.275
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.742.417.376	17.013.272.879
12. Thu nhập khác	31	VI.8	9.679.640.869	311.857.650
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.175.956.928	1.121.834.663
14. Lợi nhuận khác	40		8.503.683.941	(809.977.013)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.246.101.317	16.203.295.866
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	4.067.852.697	3.415.103.239
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	147.464.522	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.030.784.098	12.788.192.627
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		16.030.784.098	12.788.192.627
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	VI.11	692	552

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Ngày 10 tháng 12 năm 2022



Tổng Giám đốc

Vũ Quang Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.246.101.317	16.203.295.866
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	15.407.726.532	15.440.198.179
- Các khoản dự phòng	03	1.100.241.676	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.835.980.335	(131.731.990)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.164.351.977)	(1.699.609.892)
- Chi phí lãi vay	06	38.231.030.320	38.340.323.671
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	73.656.728.203	68.152.475.834
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	25.048.522.939	51.869.180.335
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(36.852.381.250)	(4.940.445.681)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(54.162.808.266)	(38.800.346.593)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	865.087.374	(19.866.894.526)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(38.231.030.320)	(38.340.323.671)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.258.603.558)	(7.504.138.216)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(383.645.779)	(467.370.597)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(33.818.130.657)	10.102.136.885
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(9.675.894.213)	(33.690.259.055)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	4.835.889.381	11.191.776.074
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.514.899.068)	(6.945.186.181)
4. Tiền thu cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	914.628.411	1.535.973.528
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.440.275.489)	(27.907.695.634)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.276.151.522.190	1.095.313.822.106
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.195.244.738.666)	(1.054.567.809.734)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(10.106.637.476)	(7.414.657.221)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.550.291)	(13.285.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	70.795.595.757	20.046.305.151
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	26.537.189.611	2.240.746.402
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.467.950.812	3.232.799.481
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	47.040.544	(5.595.071)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	32.052.180.967	5.467.950.812

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Ngày 10 tháng 12 năm 2022

8



Vũ Quang Chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 01 tháng 08 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
-

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất:

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty con:				
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	65%	100%	Số 45D/TB Quốc lộ 54, ấp Tân Bình, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung - Đồng Tháp, Tỉnh Đồng Tháp	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
Công ty liên kết:				
Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc	30%	30%	Số 45D/TB Quốc lộ 54, ấp Tân Bình, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung - Đồng Tháp, Tỉnh Đồng Tháp	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

9

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/10 năm trước và kết thúc vào ngày 30/09 của năm nay.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính của công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của công ty.

Các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư được kế toán như sau:

a) Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

c) Các điều chỉnh đối với phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết sau ngày mua phải được thực hiện, ví dụ như sự suy giảm giá trị TSCĐ hoặc khấu hao TSCĐ dựa vào giá trị hợp lý của TSCĐ tại ngày mua.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Công ty.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định...) phải được loại trừ hoàn toàn. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 14 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 08 năm
- Quyền sử dụng đất	32 – 50 năm
- Chương trình phần mềm	08 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc và thiết bị	07 – 15 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

b) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

20. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.147.296.279	1.633.766.418
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.904.884.688	3.834.184.394
Cộng	32.052.180.967	5.467.950.812

nếu giá trị hợp lý của các khoản gần tư này chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cộng

+ Quỹ tài trợ Hùng Hậu	200.000.000	(*)	200.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu (CP)	30.600.000.000	(*)	30.600.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Bao bì Thực Sản (BTS) (12.925 CP)	62.880.000	(*)	62.880.000	(*)
+ Công ty Cổ phần XNK Thực Sản Năm Căn	128.250.000	501.316.000	128.250.000	581.831.840
- Dẫn tư vào đầu vi khác	31.352.200.000	(*)	31.352.200.000	(*)
+ Công ty TNHH Khoa Học Giao Bạc	800.000.000	(*)	800.000.000	(*)
- Góp vốn liên doanh	800.000.000	30%	800.000.000	(*)
p) Dẫn tư tài chính dài hạn	33.352.200.000		33.352.200.000	
Λ (năm)				
+ Tài chính (500 tài chính của BIDV kỳ hạn đến 31/09/2022)	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Tài chính (520 tài chính củaAGR kỳ hạn - Dài hạn)	520.000.000	520.000.000	520.000.000	520.000.000
+ Liều gửi cơ kỳ hạn trên 3 tháng	52.280.380.548	52.280.380.548	11.012.481.181	11.012.481.181
+ Liều gửi cơ kỳ hạn bảo lãnh các khoản vay	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
- Nguồn hùn	38.280.380.548	38.280.380.548	31.012.481.181	31.012.481.181
q) Dẫn tư ngắn hạn đến ngày báo cáo	38.840.380.548	38.840.380.548	33.352.481.181	33.352.481.181

5. Dẫn tư tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. HCM
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2022
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Biên duyệt Lý lẽ đính kèm	20 cuối năm		20 đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn là Bên thứ ba	223.980.108.466	241.171.135.829
Phải thu khách hàng ngắn hạn là Bên liên quan (Thuyết minh VIII.1.c)	25.711.852.708	51.124.895.537
Cộng	249.691.961.174	292.296.031.366
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn là Bên thứ ba	4.531.963.381	4.435.056.658
Trong đó:		
Chi nhánh Công ty TNHH Tiếp vận kết nối VIỆT - TTTV Đầu tư Xây dựng Công trình Công ty TNHH Xây dựng Hùng Hậu	715.000.000	429.000.000
Các đối tượng khác	1.164.740.945	1.164.740.945
Trả trước cho người bán ngắn hạn là Bên liên quan (Thuyết minh VIII.1.c)	2.652.222.436	2.841.315.713
Trả trước cho người bán ngắn hạn là Bên liên quan (Thuyết minh VIII.1.c)	208.823.958	-
Cộng	4.740.787.339	4.435.056.658
5. Phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	28.681.166.520	6.252.232.798
Bên thứ ba	27.998.630.520	5.600.456.798
Lãi tiền gửi dự thu	1.012.668.596	-
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	22.453.294.749	3.908.481.959
Phải thu tiền lãi cho vay	2.221.219.515	-
Phải thu khác ngắn hạn	2.311.447.660	1.691.974.839
Phải thu khác ngắn hạn là Bên liên quan (Thuyết minh VIII.1.c)	682.536.000	651.776.000
b) Phải thu khác dài hạn là Bên thứ ba	3.809.271.449	7.400.970.635
Kỳ quỹ thuê tài chính - Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	3.035.629.000	6.136.444.000
Kỳ quỹ, ký cược dài hạn khác	64.835.000	64.835.000
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	679.822.449	1.170.706.635
Phải thu khác	28.985.000	28.985.000
Cộng	32.490.437.969	13.653.203.433

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Nợ xấu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thủy Sản Ông Trần	1.350.137.496	(675.068.748)	1.350.137.496	-
Công ty TNHH Du lịch và Tư vấn Việt Nga	552.104.300	(276.052.150)	552.104.300	-
Các đối tượng khác	298.241.555	(149.120.777)	298.241.555	-
Cộng	2.200.483.351	(1.100.241.676)	2.200.483.351	-
7. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.563.048.452	-	3.473.215.075	-
Công cụ, dụng cụ	2.487.776.614	-	3.526.749.814	-
Thành phẩm	297.025.646.069	-	259.224.124.996	-
Cộng	303.076.471.135	-	266.224.089.885	-
8. Chi phí trả trước	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn	2.025.221.405	1.655.037.540		
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	342.637.791	224.653.180		
Tiền thuê đất	1.090.690.200	981.851.182		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	255.360.172	231.835.481		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	336.533.242	216.697.697		
b) Dài hạn	41.304.888.362	42.540.159.601		
Tiền thuê đất (*)	40.506.069.242	41.953.040.642		
Chi phí sửa chữa	268.364.509	541.796.459		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	530.454.611	45.322.500		
Cộng	43.330.109.767	44.195.197.141		

(*) Tiền thuê đất trả trước một lần tại số 624 và 642 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với thời gian thuê từ 25 - 40 năm đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với giá trị còn phân bổ là 40.506.069.242 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: VND			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	150.897.442.814	72.464.895.920	8.556.053.483	2.179.699.872
Số tăng trong năm	-	20.438.862.622	-	-
- Mua trong năm	-	5.409.896.000	-	-
- Tăng từ tài sản thuê tài chính	-	15.028.966.622	-	-
Số giảm trong năm	-	4.817.100.768	522.727.272	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	4.817.100.768	522.727.272	-
Số dư cuối năm	150.897.442.814	88.086.657.774	8.033.326.211	2.179.699.872
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	34.168.193.429	51.500.159.442	5.612.651.316	2.179.699.872
Số tăng trong năm	4.877.008.203	11.580.108.771	681.371.649	-
- Khấu hao tăng trong năm	4.877.008.203	5.319.455.403	681.371.649	-
- Tăng từ tài sản thuê tài chính	-	6.260.653.368	-	-
Số giảm trong năm	-	138.618.794	381.155.320	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	138.618.794	381.155.320	-
Số dư cuối năm	39.045.201.632	62.941.649.419	5.912.867.645	2.179.699.872
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	116.729.249.385	20.964.736.478	2.943.402.167	-
Tại ngày cuối năm	111.852.241.182	25.145.008.355	2.120.458.566	139.117.708.103

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

20

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính	Đơn vị tính: VND		
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	26.999.538.637	1.572.068.038	28.571.606.675
Số tăng trong năm	4.727.326.825	-	4.727.326.825
Chuyển sang tài sản cố định	15.028.966.622	-	15.028.966.622
Số dư cuối năm	16.697.898.840	1.572.068.038	18.269.966.878
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.462.000.018	290.748.066	6.752.748.084
Khấu hao tăng trong năm	2.722.926.993	608.542.464	3.331.469.457
Chuyển sang tài sản cố định	6.260.653.368	-	6.260.653.368
Số dư cuối năm	2.924.273.643	899.290.530	3.823.564.173
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	20.537.538.619	1.281.319.972	21.818.858.591
Tại ngày cuối năm	13.773.625.197	672.777.508	14.446.402.705
11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	101.888.720.014	393.100.000	102.281.820.014
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	101.888.720.014	393.100.000	102.281.820.014
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.867.191.640	313.593.943	8.180.785.583
Khấu hao tăng trong năm	1.184.671.824	13.749.996	1.198.421.820
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	9.051.863.464	327.343.939	9.379.207.403
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	94.021.528.374	79.506.057	94.101.034.431
Tại ngày cuối năm	92.836.856.550	65.756.061	92.902.612.611
Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay			
Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		90.967.899.650	92.152.571.474
		283.100.000	-
		Số cuối năm	Số đầu năm

21

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.034.091		1.878.034.091	
Chi phí mở rộng Văn phòng 613 Âu Cơ	6.013.876.639		3.744.766.649	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	5.576.125.006		2.540.144.794	
Cộng	13.468.035.736		8.162.945.534	

13. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	33.212.624.936	33.212.624.936	72.399.811.078	72.399.811.078
Bên liên quan	-	-	37.481.534.912	37.481.534.912
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu	-	-	37.481.534.912	37.481.534.912
Bên thứ ba	33.212.624.936	33.212.624.936	34.918.276.166	34.918.276.166
Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hiếu Lê CM	3.583.058.700	3.583.058.700	3.516.787.800	3.516.787.800
Công ty TNHH USFEED	-	-	6.000.000.020	6.000.000.020
Các đối tượng khác	29.629.566.236	29.629.566.236	25.401.488.346	25.401.488.346
b) Phải trả người bán dài hạn là Bên thứ ba	10.603.469.162	10.603.469.162	16.263.122.165	16.263.122.165
Công ty TNHH Hùng Cá	3.894.005.500	3.894.005.500	3.894.163.000	3.894.163.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Trần Hân	1.843.722.507	1.843.722.507	6.843.722.507	6.843.722.507
Các đối tượng khác	4.865.741.155	4.865.741.155	5.525.236.658	5.525.236.658

14. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Số phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	244.885.391	-	244.885.391	-
Thuế nhập khẩu	-	211.820.933	211.820.933	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.238.302.048	4.067.852.697	3.258.603.558	6.047.551.187
Thuế thu nhập cá nhân	647.326.339	915.759.526	495.261.110	1.067.824.755
Thuế tài nguyên	54.325.760	34.786.560	83.036.160	6.076.160
Tiền thuê đất	2.909.815.920	2.975.616.147	4.245.946.707	1.639.485.360
Các loại thuế khác	-	6.000.000	3.000.000	3.000.000
Cộng	9.094.655.458	8.211.835.863	8.542.553.859	8.763.937.462

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Số phải thu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	-	55.114.609	55.114.609
Cộng	-	-	55.114.609	55.114.609

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	83.214.156		84.611.188	
Cộng	83.214.156		84.611.188	

16. Phải trả khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
a) Phải trả khác ngắn hạn là Bên thứ ba	6.494.609.884		7.175.487.484	
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	5.837.923.379		3.557.116.013	
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	118.301.309		122.851.600	
Phải trả khác	538.385.196		3.495.519.871	
b) Phải trả khác dài hạn là Bên liên quan	4.000.000.000		9.659.604.447	
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJI Plaza	4.000.000.000		4.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy sản Hùng Hậu	-		5.659.604.447	
Cộng	10.494.609.884		16.835.091.931	

17. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	147.464.522		-	
Cộng	147.464.522		-	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuế tài chính

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị		Tăng		Giảm		
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Ngắn hạn	593.350.459.855	593.350.459.855	1.298.443.683.935	1.204.159.567.005	499.066.342.925	499.066.342.925	
- Vay ngắn hạn (*)	574.149.821.992	574.149.821.992	1.279.243.046.076	1.181.148.222.666	476.054.998.582	476.054.998.582	
+ Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB)	22.718.419.601	22.718.419.601	62.111.101.996	62.170.422.973	22.777.740.578	22.777.740.578	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	231.866.980.420	231.866.980.420	469.875.080.020	409.388.979.600	171.380.880.000	171.380.880.000	
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	21.480.937.893	21.480.937.893	69.853.573.632	80.102.777.325	31.730.141.586	31.730.141.586	
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	85.941.095.000	85.941.095.000	189.454.253.000	163.849.940.000	60.336.782.000	60.336.782.000	
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	207.146.611.690	207.146.611.690	477.633.061.707	455.316.374.092	184.829.924.075	184.829.924.075	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TP Bank)	4.995.777.388	4.995.777.388	10.315.975.721	10.319.728.676	4.999.530.343	4.999.530.343	
- Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	19.200.637.863	19.200.637.863	19.200.637.859	23.011.344.339	23.011.344.343	23.011.344.343	
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	4.996.400.000	4.996.400.000	4.996.400.000	4.996.400.000	4.996.400.000	4.996.400.000	
+ Thương Tín (Sacombank)	9.100.116.000	9.100.116.000	9.100.116.000	9.100.116.000	9.100.116.000	9.100.116.000	
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	5.104.121.863	5.104.121.863	5.104.121.859	8.914.828.339	8.914.828.343	8.914.828.343	

24



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị		Tăng		Giảm		
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
b) Dài hạn (**)	42.074.818.737	42.074.818.737	5.139.144.518	20.392.446.996	57.328.121.215	57.328.121.215	
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	14.768.900.000	14.768.900.000	-	5.226.800.000	19.995.700.000	19.995.700.000	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	24.446.082.000	24.446.082.000	-	8.869.716.000	33.315.798.000	33.315.798.000	
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	2.859.836.737	2.859.836.737	5.139.144.518	6.295.930.996	4.016.623.215	4.016.623.215	
Cộng	635.425.278.592	635.425.278.592	1.303.582.828.453	1.224.552.014.001	556.394.464.140	556.394.464.140	

c) Vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán.

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		Phương thức đảm bảo
			USD	VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	201918906827 201918906827	12 tháng 12 tháng	317.242,00	224.250.000.000	Thế chấp Thế chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	CVL.DN.1855.290622 CVL.DN.1855.290622	6 tháng 6 tháng	189.000,00	7.616.980.420	Thế chấp Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	CVL.DN.1856.290622 1606-LAV-202200045 1606-LAV-202200045	12 tháng 6 tháng 6 tháng	2.949.047.893	4.537.890.000	Thế chấp Thế chấp Thế chấp
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	01/2022/1777831/HBTD 01/2022/1777831/HBTD	6 tháng 12 tháng	3.309.500,00	6.480.000.000	Thế chấp Thế chấp
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB)	UOB/HCMC/CASL/20234	12 tháng	187.664,00	79.461.095.000	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TP Bank) Cộng	34/2022/HBTD/BCH	12 tháng	4.995.777.388	202.640.799.050	Thế chấp
			574.149.821.992	22.718.419.601	Tin chấp

25

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(**) Chi tiết các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn:
+ Chi tiết các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		Phương thức đảm bảo
			Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1511700300	120 tháng	3.200.040.000	5.066.330.000	8.266.370.000 Thẻ chấp
	LD1623700088	120 tháng	4.530.000.000	13.590.000.000	18.120.000.000 Thẻ chấp
	LD1728500607	120 tháng	1.370.076.000	5.789.752.000	7.159.828.000 Thẻ chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	LAV201600721	120 tháng	4.700.000.000	14.100.000.000	18.800.000.000 Thẻ chấp
	1606-LAV-202000812	60 tháng	296.400.000	668.900.000	965.300.000 Thẻ chấp
Cộng			14.096.516.000	39.214.982.000	53.311.498.000

+ Thuế tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc, thiết bị, xe ô tô. Chi tiết các khoản thuế như sau:

Số hợp đồng thuế	Thời hạn thuế	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		Cộng VND
		Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	
2019-00016-001	48 tháng	207.285.670	-	207.285.670
2019-00057-001	48 tháng	325.941.167	-	325.941.167
2021-00028-000	24 tháng	3.483.396.382	-	3.483.396.382
2021-00196-000	48 tháng	392.353.428	948.187.417	1.340.540.845
2021-00195-000	48 tháng	695.145.216	1.911.649.320	2.606.794.536
Cộng		5.104.121.863	2.859.836.737	7.963.958.600

26



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Quý đầu tư phát triển chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	Tổng cộng	
						Số cuối năm VND	%
Số dư đầu năm trước	221.560.600.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	19.531.692.213	292.522.317.628	
Lãi trong năm trước					12.788.192.627	12.788.192.627	
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2020					(13.293.030.000)	(13.293.030.000)	
Giảm khác (thủ lao HĐQT)					(467.370.597)	(467.370.597)	
Số dư cuối năm trước	221.560.600.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	17.968.095.458	290.958.720.873	
Số dư đầu năm nay	221.560.600.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	17.968.095.458	290.958.720.873	
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	13.290.940.000				(13.290.940.000)		
Lãi trong năm nay					16.030.784.098	16.030.784.098	
Giảm khác (thủ lao HĐQT) (*)					(383.645.779)	(383.645.779)	
Số dư cuối năm nay	234.851.540.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	20.324.293.777	306.605.859.192	

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 25/12/2021, Đại hội đã biểu quyết thông qua thủ lao Hội đồng quản trị, thư ký là 3% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 và chia cổ tức bằng cổ phiếu tương đương 6% vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Số cuối năm VND	%	Số đầu năm VND	%
23.474.530.000	9,995	22.145.790.000	9,519
90.928.850.000	38,718	85.784.470.000	41,637
234.851.540.000	100	221.560.600.000	100

Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần
Vốn góp của các cổ đông

Cộng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	221.560.600.000	221.560.600.000
Vốn góp tăng trong năm	13.290.940.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	234.851.540.000	221.560.600.000
Cổ tức đã chia	13.290.940.000	13.293.030.000

d) Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.485.154	22.156.060
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.485.154	22.156.060
- Cổ phiếu phổ thông	23.485.154	22.156.060
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	1.010	1.010
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.484.144	22.155.050
- Cổ phiếu phổ thông	23.484.144	22.155.050
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)		

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
+ USD	46.137,10	52.091,00
+ EUR	175,01	194,87

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	1.265.940.965.619	1.023.713.085.234
Doanh thu bán hàng hóa	22.844.111.083	34.077.410.775
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.393.915.154	52.071.952.653
Doanh thu khác	-	12.319.787.942
Cộng	1.333.178.991.856	1.122.182.236.604
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	43.099.044.696	32.075.319.604
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VIII.1.c		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	19.809.427	115.617.924
Hàng bán bị trả lại	1.332.947.005	660.394.324
Cộng	1.352.756.432	776.012.248

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	1.264.588.209.187	1.022.937.072.986
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	22.844.111.083	34.077.410.775
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	44.393.915.154	52.071.952.653
Doanh thu thuần khác	-	12.319.787.942
Cộng	1.331.826.235.424	1.121.406.224.356

4. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm	1.210.816.152.729	981.181.375.721
Giá vốn hàng hóa	10.956.742.305	23.277.062.862
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	23.715.579.919	24.581.847.442
Cộng	1.245.488.474.953	1.029.040.286.025

5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.148.516.522	1.535.973.528
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.037.360.239	4.685.361.049
Cộng	9.185.876.761	6.221.334.577

6. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	38.231.030.320	38.340.323.671
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.559.910.105	3.282.093.850
Cộng	46.790.940.425	41.622.417.521

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Chi phí bán hàng	17.939.354.760	22.772.126.233
Chi phí nhân viên	5.390.903.555	6.159.727.539
Chi phí hoa hồng	1.084.802.079	1.050.732.326
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa	10.275.617.433	14.096.152.485
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.188.031.693	1.465.513.883
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.050.924.671	17.179.456.275
Chi phí nhân viên quản lý	10.458.119.154	10.618.917.057
Chi phí khấu hao	401.306.376	432.414.407
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.100.241.676	-
Các khoản chi phí quản lý khác	7.091.257.465	6.128.124.811

8. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản	15.835.455	163.636.364
Thu nhập từ xử lý công nợ	6.748.131.691	-
Thu nhập khác	2.915.673.723	148.221.286
Cộng	9.679.640.869	311.857.650

9. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản vi phạm	1.048.736.729	865.716.968
Chi phí khác	127.220.199	256.117.695
Cộng	1.175.956.928	1.121.834.663

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thu nhập từ hoạt động chế biến trong thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.067.852.697	3.415.103.239
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.067.852.697	3.415.103.239

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hoàn nhập chi phí dự phòng đầu tư vào công ty con	(737.322.611)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(147.464.522)	-

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.030.784.098	12.788.192.627
Các khoản điều chỉnh	(480.923.523)	(383.645.779)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	480.923.523	383.645.779
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.549.860.575	12.404.546.848
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	22.464.565	22.464.565
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	692	552

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 25/12/2021, thù lao HĐQT và BKS tạm tính theo tỷ lệ 3% lợi nhuận hợp nhất sau thuế.

(**) Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm trước và Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố do ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2022 và trích thù lao HĐQT, BKS.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.186.255.490.800	929.059.491.802
Chi phí nhân công	65.252.879.824	61.921.921.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.407.726.532	15.440.198.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.623.476.805	47.435.992.349
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.100.241.676	-
Chi phí khác bằng tiền	11.683.717.515	12.004.813.694
Cộng	1.309.323.533.152	1.065.862.417.367

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tăng vốn bằng trả cổ tức bằng cổ phiếu	13.290.940.000	-
2. Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vay theo kế ước thông thường	1.276.151.522.190	1.095.313.822.106
3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.195.244.738.666)	(1.054.567.809.734)
Trả tiền nợ thuê tài chính	(10.106.637.476)	(7.414.657.221)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

a. Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Tiền lương, thưởng của thành viên Hội đồng Quản Trị có tham gia điều hành và Ban Tổng Giám đốc là:

Họ và tên	Chức vụ		Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Ông Tống Văn Tùng	Tổng Giám đốc	Từ 22/12/2020 đến 02/12/2021	88.961.129	669.613.150
Ông Vũ Quang Chính	Tổng Giám đốc	Từ 02/12/2021	422.680.300	-
Ông Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	Đến 22/12/2020	360.387.345	66.969.200
Bà Nguyễn Thị Phương Như	Phó Tổng Giám đốc	Đến 05/05/2021	-	230.634.783
Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc		364.832.962	329.149.127
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc	Từ 22/12/2020 đến 17/12/2021	59.443.005	308.505.137
Ông Nguyễn Tú Kỳ	Phó Tổng Giám đốc		569.102.605	188.390.567
Bà Nguyễn Yến	Phó Tổng Giám đốc	Từ 17/12/2021	160.939.014	-
Bà Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Từ 17/12/2021	-	-
Cộng			2.026.346.360	1.793.261.964

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản Trị là:

Họ và tên	Chức vụ		Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch		69.300.000	61.200.000
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch		69.300.000	72.000.000
Ông Trần Thanh Hương	Thành viên		54.000.000	54.000.000
Ông Tống Văn Tùng	Thành viên	Đến 02/03/2022	9.000.000	40.500.000
Bà Huỳnh Thanh	Thành viên		54.000.000	54.000.000
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên		54.000.000	54.000.000
Ông Vũ Quang Chính	Thành viên	Từ 25/12/2021	40.500.000	-
Cộng			344.700.000	335.700.000

b. Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ		Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			43.099.044.696	32.075.319.604
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan		1.393.860.717	1.268.001.398
Trường Đại Học Văn Hiến	Bên liên quan		30.325.521.542	24.262.288.803
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu	Bên liên quan		11.039.931.951	6.404.591.719
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Bên liên quan		339.730.486	140.437.684
Chi phí mua hàng hoá và tài sản			1.989.574.245	49.978.073.412
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu	Bên liên quan		1.989.574.245	49.978.073.412
Giao dịch khác			800.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan		800.000.000	-

c. Cho đến ngày cuối năm, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ		Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn			25.711.852.708	51.124.895.537
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan		1.601.130.467	542.353.538
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	Bên liên quan		400.000.000	137.500.000
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu	Bên liên quan		9.556.096.773	36.214.273.545
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Bên liên quan		14.154.625.468	14.230.768.454
Ứng trước cho nhà cung cấp ngắn hạn			208.823.958	-
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu	Bên liên quan		208.823.958	-
Phải thu khác ngắn hạn			682.536.000	651.776.000
Trường Đại Học Văn Hiến	Bên liên quan		651.776.000	651.776.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan		30.760.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Xuất khẩu	267.070.413.644	258.947.875.371
Trong nước	1.064.755.821.780	862.458.348.985
Cộng	1.331.826.235.424	1.121.406.224.356

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất chế biến thủy sản nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 đã được kiểm toán.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Ngày 10 tháng 12 năm 2022



Tổng Giám đốc

Vũ Quang Chính



07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TÀI CHÍNH 2022

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2022.

Khái quát

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần 28 ngày 01 tháng 08 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
-

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch	Từ ngày 02/12/2021
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch	Đến ngày 02/12/2021
Ông Từ Thanh Phụng	Phó Chủ tịch	Đến ngày 02/12/2021
Ông Trần Thanh Hương	Thành viên	
Ông Tống Văn Tùng	Thành viên	Đến ngày 02/03/2022
Bà Huỳnh Thanh	Thành viên	
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	
Ông Vũ Quang Chính	Thành viên	Từ ngày 25/12/2021

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Vũ Quang Chính	Tổng Giám đốc	Từ ngày 02/12/2021
Ông Tống Văn Tùng	Tổng Giám đốc	Đến ngày 02/12/2021
Ông Nguyễn Văn Dơi	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 17/12/2021
Ông Nguyễn Tú Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Yến	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 17/12/2021
Bà Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 17/12/2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Vũ Quang Chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, được lập ngày 10 tháng 12 năm 2022, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
 Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Phó Giám đốc

(Signature)

Nguyễn Ngọc Tuấn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2837-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2022

Kiểm toán viên

(Signature)

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4817-2019-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		671.331.805.106	617.213.869.837
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		32.029.766.044	5.440.130.061
1. Tiền	111	V.1	32.029.766.044	5.440.130.061
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		39.590.390.249	31.075.491.181
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	39.590.390.249	31.075.491.181
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		281.643.126.494	302.587.773.959
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	249.635.861.174	292.239.931.366
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.740.787.339	4.435.056.658
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	28.366.719.657	5.912.785.935
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.100.241.676)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	303.076.471.135	266.224.089.885
1. Hàng tồn kho	141		303.076.471.135	266.224.089.885
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.992.051.184	11.886.384.751
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2.025.221.405	1.655.037.540
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.966.829.779	10.231.347.211
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		355.432.096.355	367.781.856.822
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.809.271.449	7.400.970.635
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	3.809.271.449	7.400.970.635
II. Tài sản cố định	220		246.466.723.419	256.557.281.052
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	139.117.708.103	140.637.388.030
- Nguyên giá	222		249.197.126.671	234.098.092.089
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(110.079.418.568)	(93.460.704.059)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	14.446.402.705	21.818.858.591
- Nguyên giá	225		18.269.966.878	28.571.606.675
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.823.564.173)	(6.752.748.084)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	92.902.612.611	94.101.034.431
- Nguyên giá	228		102.281.820.014	102.281.820.014
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.379.207.403)	(8.180.785.583)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		13.468.035.736	8.162.945.534
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	13.468.035.736	8.162.945.534
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		50.383.177.389	53.120.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	19.545.000.000	19.545.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	31.325.500.000	31.325.500.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(737.322.611)	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	250.000.000	2.250.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		41.304.888.362	42.540.159.601
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	41.304.888.362	42.540.159.601
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.026.763.901.461	984.995.726.659



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		720.010.577.747	693.412.288.363
I. Nợ ngắn hạn	310		645.241.813.862	610.161.440.536
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	32.650.002.236	90.362.664.364
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		901.914.263	2.597.987.019
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	8.734.313.389	8.767.345.354
4. Phải trả người lao động	314		3.521.804.028	2.601.506.151
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	83.214.156	84.611.188
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	6.000.067.627	6.680.945.227
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	593.350.459.855	499.066.342.925
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.308	38.308
II. Nợ dài hạn	330		74.768.763.885	83.250.847.827
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	28.693.945.148	16.263.122.165
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	4.000.000.000	9.659.604.447
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	42.074.818.737	57.328.121.215
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		306.753.323.714	291.583.438.296
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	306.753.323.714	291.583.438.296
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		234.851.540.000	221.560.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		234.851.540.000	221.560.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.428.827.960	46.428.827.960
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.011.297.455	5.011.297.455
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.471.758.299	18.592.812.881
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.918.227.102	5.771.291.616
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.553.531.197	12.821.521.265
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.026.763.901.461	984.995.726.659

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Diệu
Ngày 10 tháng 12 năm 2022



Vũ Quang Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.333.178.991.856	1.122.182.236.604
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.352.756.432	776.012.248
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.331.826.235.424	1.121.406.224.356
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.245.488.474.953	1.029.040.286.025
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		86.337.760.471	92.365.938.331
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	9.185.874.136	6.221.324.018
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	47.528.263.036	41.622.417.521
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.231.030.320	38.340.323.671
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	17.939.354.760	22.772.126.233
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	19.044.473.671	17.158.770.463
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.011.543.140	17.033.948.132
11. Thu nhập khác	31	VI.8	9.679.640.869	311.857.650
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.069.800.115	1.109.181.278
13. Lợi nhuận khác	40		8.609.840.754	(797.323.628)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.621.383.894	16.236.624.504
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	4.067.852.697	3.415.103.239
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.553.531.197	12.821.521.265

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Diệu
Ngày 10 tháng 12 năm 2022



Vũ Quang Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	19.621.383.894	16.236.624.504
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	15.407.726.532	15.440.198.179
- Các khoản dự phòng	03	1.837.564.287	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.835.980.335	(131.731.990)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.164.349.352)	(1.699.599.333)
- Chi phí lãi vay	06	38.231.030.320	38.340.323.671
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	73.769.336.016	68.185.815.031
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	24.578.637.548	51.622.944.790
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(36.852.381.250)	(4.940.445.681)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(54.300.122.235)	(38.771.012.193)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	865.087.374	(19.866.894.526)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(38.231.030.320)	(38.340.323.671)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.258.603.558)	(7.392.755.097)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(383.645.779)	(467.370.597)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(33.812.722.204)	10.029.958.056
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(9.675.894.213)	(33.690.259.055)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	4.835.889.381	11.191.776.074
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.514.899.068)	(6.945.186.181)
4. Tiền thu cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	914.625.786	1.673.955.013
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.440.278.114)	(27.769.714.149)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.276.151.522.190	1.095.313.822.106
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.195.244.738.666)	(1.054.567.809.734)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(10.106.637.476)	(7.414.657.221)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.550.291)	(13.285.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	70.795.595.757	20.046.305.151
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	26.542.595.439	2.306.549.058
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.440.130.061	3.139.176.074
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	47.040.544	(5.595.071)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	32.029.766.044	5.440.130.061

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Ngày 10 tháng 12 năm 2022

Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU
Q. TÂN PHÚ - TP. HỒ CHÍ MINH

Vũ Quang Chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần 28 ngày 01 tháng 08 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
-

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con:

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	65%	100%	Số 45D/TB Quốc lộ 54, ấp Tân Bình, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/10 năm trước và kết thúc vào ngày 30/09 của năm nay.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 14 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 08 năm
- Quyền sử dụng đất	32 – 50 năm
- Chương trình phần mềm	08 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc và thiết bị	07 – 15 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm

7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty con; Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

19. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.126.324.218	1.611.374.357
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.903.441.826	3.828.755.704
Cộng	32.029.766.044	5.440.130.061

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Ngắn hạn				
+ Tiền gửi có kỳ hạn bảo lãnh các khoản vay		39.840.390.249		33.325.491.181
+ Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		39.590.390.249		31.075.491.181
- Dài hạn				
+ Trái phiếu (250 trái phiếu của AGR kỳ hạn đến 24/09/2026)		14.000.000.000		14.000.000.000
+ Trái phiếu (200 trái phiếu của BIDV kỳ hạn 7 năm)		25.590.390.249		17.075.491.181
		250.000.000		2.250.000.000
		250.000.000		250.000.000
		-		2.000.000.000

Số cuối năm

Số đầu năm

	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
b) Đầu tư vào Công ty con					
+ Công ty TNHH Ngr Nghiệp Hùng Hậu	65%	19.545.000.000	(737.322.611)	19.545.000.000	-
		19.545.000.000	(*) (737.322.611)	19.545.000.000	(*)

Số cuối năm

Số đầu năm

	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
c) Đầu tư vào đơn vị khác					
+ Công ty Cổ phần XNK Thủy Sản Năm Căn (15.952 CP)		31.325.500.000	207.376.000	31.325.500.000	261.931.840
+ Công ty Cổ phần Bao bì Thủy Sản (6.598 CP)	17%	159.520.000	(*)	159.520.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu	17%	65.980.000	(*)	65.980.000	(*)
+ Quỹ trái tim Hùng Hậu		30.600.000.000	(*)	30.600.000.000	(*)
		500.000.000	(*)	500.000.000	(*)

(*) Tại ngày đầu năm và ngày cuối năm, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do các công ty này chưa niêm yết nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Phải thu khách hàng ngắn hạn là Bên thứ ba	223.924.008.466	241.115.035.829		
Phải thu khách hàng ngắn hạn là Bên liên quan (Thuyết minh VIII.1.c)	25.711.852.708	51.124.895.537		
Cộng	249.635.861.174	292.239.931.366		
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Trả trước cho người bán ngắn hạn là Bên thứ ba	4.531.963.381	4.435.056.658		
Trong đó:				
Chỉ nhánh Công ty TNHH Tiếp vận kết nối VIỆT - TTTV Đầu tư Xây dựng Công trình Công ty TNHH Xây dựng Hùng Hậu	715.000.000	429.000.000		
Các đối tượng khác	1.164.740.945	1.164.740.945		
	2.652.222.436	2.841.315.713		
Trả trước cho người bán ngắn hạn là Bên liên quan (Thuyết minh VIII.1.c)	208.823.958	-		
Cộng	4.740.787.339	4.435.056.658		
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
5. Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
a) Phải thu khác ngắn hạn Bên thứ ba	28.366.719.657	5.912.785.935		
Lãi tiền gửi dự thu	27.684.183.657	5.261.009.935		
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	1.012.668.596	-		
Phải thu tiền lãi cho vay	22.453.294.749	3.883.481.959		
Phải thu khác ngắn hạn	2.221.219.515	-		
Phải thu khác ngắn hạn là Bên liên quan (Thuyết minh VIII.1.c)	1.997.000.797	1.377.527.976		
Phải thu khác ngắn hạn là Bên liên quan (Thuyết minh VIII.1.c)	682.536.000	651.776.000		
b) Phải thu khác dài hạn là Bên thứ ba	3.809.271.449	7.400.970.635		
Ký quỹ thuê tài chính - Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	3.035.629.000	6.136.444.000		
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	64.835.000	64.835.000		
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	679.822.449	1.170.706.635		
Phải thu khác dài hạn	28.985.000	28.985.000		
Cộng	32.175.991.106	13.313.756.570		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Nợ xấu	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thủy Sản Ông Trần	1.350.137.496	(675.068.748)	1.350.137.496	-
Công ty TNHH Du lịch và Tư vấn Việt Nga	552.104.300	(276.052.150)	552.104.300	-
Các đối tượng khác	298.241.555	(149.120.777)	298.241.555	-
Cộng	2.200.483.351	(1.100.241.676)	2.200.483.351	-
	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
7. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.563.048.452	-	3.473.215.075	-
Công cụ, dụng cụ	2.487.776.614	-	3.526.749.814	-
Thành phẩm	297.025.646.069	-	259.224.124.996	-
Cộng	303.076.471.135	-	266.224.089.885	-
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
8. Chi phí trả trước	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn	2.025.221.405	1.655.037.540		
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	342.637.791	224.653.180		
Tiền thuê đất	1.090.690.200	981.851.182		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	255.360.172	231.835.481		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	336.533.242	216.697.697		
b) Dài hạn	41.304.888.362	42.540.159.601		
Tiền thuê đất (*)	40.506.069.242	41.953.040.642		
Chi phí sửa chữa	268.364.509	541.796.459		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	530.454.611	45.322.500		
Cộng	43.330.109.767	44.195.197.141		

(*) Tiền thuê đất trả trước một lần tại số 624 và 642 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với thời gian thuê từ 25 - 40 năm đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với giá trị còn phân bổ là 40.506.069.242 đồng.

BẢN THUYẾT MINH (tiếp theo)

Hình hữu hình	Đơn vị tính: VND	Cộng			
		Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý
		150.897.442.814	72.464.895.920	8.556.053.483	2.179.699.872
			20.438.862.622	-	-
			5.409.896.000	-	-
			15.028.966.622	-	-
			4.817.100.768	522.727.272	-
			4.817.100.768	522.727.272	-
		150.897.442.814	88.086.657.774	8.033.326.211	2.179.699.872
		34.168.193.429	51.500.159.442	5.612.651.316	2.179.699.872
		4.877.008.203	11.580.108.771	681.371.649	-
		4.877.008.203	5.319.455.403	681.371.649	-
			6.260.653.368	-	-
			138.618.794	381.155.320	-
			138.618.794	381.155.320	-
		39.045.201.632	62.941.649.419	5.912.867.645	2.179.699.872
		116.729.249.385	20.964.736.478	2.943.402.167	-
		111.852.241.182	25.145.008.355	2.120.458.566	139.117.708.103

	Số cuối năm	Số đầu năm
của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	64.267.704.711	75.813.642.073
định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	34.363.605.974	26.778.648.198

18

TRẦN VĂN TOÁN
KẾ TOÁN CHỨC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Đơn vị tính: VND		
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	26.999.538.637	1.572.068.038	28.571.606.675
Số tăng trong năm	4.727.326.825	-	4.727.326.825
Chuyển sang tài sản cố định	15.028.966.622	-	15.028.966.622
Số dư cuối năm	16.697.898.840	1.572.068.038	18.269.966.878
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.462.000.018	290.748.066	6.752.748.084
Khấu hao tăng trong năm	2.722.926.993	608.542.464	3.331.469.457
Chuyển sang tài sản cố định	6.260.653.368	-	6.260.653.368
Số dư cuối năm	2.924.273.643	899.290.530	3.823.564.173
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	20.537.538.619	1.281.319.972	21.818.858.591
Tại ngày cuối năm	13.773.625.197	672.777.508	14.446.402.705

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	101.888.720.014	393.100.000	102.281.820.014
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	101.888.720.014	393.100.000	102.281.820.014
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.867.191.640	313.593.943	8.180.785.583
Khấu hao tăng trong năm	1.184.671.824	13.749.996	1.198.421.820
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	9.051.863.464	327.343.939	9.379.207.403
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	94.021.528.374	79.506.057	94.101.034.431
Tại ngày cuối năm	92.836.856.550	65.756.061	92.902.612.611

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	90.967.899.650	92.152.571.474
Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	283.100.000	-

19

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.034.091		1.878.034.091	
Chi phí mở rộng Văn phòng 613 Âu Cơ	6.013.876.639		3.744.766.649	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	5.576.125.006		2.540.144.794	
Cộng	13.468.035.736		8.162.945.534	

13. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	32.650.002.236	32.650.002.236	90.362.664.364	90.362.664.364
Bên liên quan	-	-	56.007.010.898	56.007.010.898
Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu	-	-	18.525.475.986	18.525.475.986
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu	-	-	37.481.534.912	37.481.534.912
Bên thứ ba	32.650.002.236	32.650.002.236	34.355.653.466	34.355.653.466
Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hiếu Lê CM	3.583.058.700	3.583.058.700	3.516.787.800	3.516.787.800
Công ty TNHH USFEED	-	-	6.000.000.020	6.000.000.020
Các đối tượng khác	29.066.943.536	29.066.943.536	24.838.865.646	24.838.865.646
b) Phải trả người bán dài hạn	28.693.945.148	28.693.945.148	16.263.122.165	16.263.122.165
Bên liên quan	18.090.475.986	18.090.475.986	-	-
Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu	18.090.475.986	18.090.475.986	-	-
Bên thứ ba	10.603.469.162	10.603.469.162	16.263.122.165	16.263.122.165
Công ty TNHH Hùng Cá	3.894.005.500	3.894.005.500	3.894.163.000	3.894.163.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Trần Hân	1.843.722.507	1.843.722.507	6.843.722.507	6.843.722.507
Các đối tượng khác	4.865.741.155	4.865.741.155	5.525.236.658	5.525.236.658

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phải nộp		Số đã thực nộp		Số cuối năm	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế nhập khẩu	-		211.820.933		211.820.933		-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.238.302.048		4.067.852.697		3.258.603.558		6.047.551.187	
Thuế thu nhập cá nhân	617.702.266		915.759.526		495.261.110		1.038.200.682	
Thuế tài nguyên	1.525.120		34.786.560		30.235.520		6.076.160	
Tiền thuê đất	2.909.815.920		2.975.616.147		4.245.946.707		1.639.485.360	
Các loại thuế khác	-		3.000.000		-		3.000.000	
Cộng	8.767.345.354		8.208.835.863		8.241.867.828		8.734.313.389	

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	83.214.156		84.611.188	
Cộng	83.214.156		84.611.188	

16. Phải trả khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
a) Phải trả khác ngắn hạn là Bên thứ ba	6.000.067.627		6.680.945.227	
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	5.343.381.122		3.062.573.756	
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	118.301.309		122.851.600	
Phải trả khác	538.385.196		3.495.519.871	
b) Phải trả khác dài hạn là Bên liên quan	4.000.000.000		9.659.604.447	
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJI Plaza	4.000.000.000		4.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy sản Hùng Hậu	-		5.659.604.447	
Cộng	10.000.067.627		16.340.549.674	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuế tài chính		Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
		Giá trị		Tăng		Giảm		
		Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a)	Ngắn hạn	593.350.459.855	593.350.459.855	1.298.443.683.935	1.204.159.567.005	499.066.342.925	499.066.342.925	
-	Vay ngắn hạn (*)	574.149.821.992	574.149.821.992	1.279.243.046.076	1.181.148.222.666	476.054.998.582	476.054.998.582	
+	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB)	22.718.419.601	22.718.419.601	62.111.101.996	62.170.422.973	22.777.740.578	22.777.740.578	
+	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	231.866.980.420	231.866.980.420	469.875.080.020	409.388.979.600	171.380.880.000	171.380.880.000	
+	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	21.480.937.893	21.480.937.893	69.853.573.632	80.102.777.325	31.730.141.586	31.730.141.586	
+	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	85.941.095.000	85.941.095.000	189.454.253.000	163.849.940.000	60.336.782.000	60.336.782.000	
+	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	207.146.611.690	207.146.611.690	477.633.061.707	455.316.374.092	184.829.924.075	184.829.924.075	
+	Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TP Bank)	4.995.777.388	4.995.777.388	10.315.975.721	10.319.728.676	4.999.530.343	4.999.530.343	
-	Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	19.200.637.863	19.200.637.863	19.200.637.859	23.011.344.339	23.011.344.343	23.011.344.343	
+	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	4.996.400.000	4.996.400.000	4.996.400.000	4.996.400.000	4.996.400.000	4.996.400.000	
+	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	9.100.116.000	9.100.116.000	9.100.116.000	9.100.116.000	9.100.116.000	9.100.116.000	
+	Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	5.104.121.863	5.104.121.863	5.104.121.859	8.914.828.339	8.914.828.343	8.914.828.343	

22

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)

b)	Dài hạn (**)	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
		Giá trị		Tăng		Giảm		
		Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
+	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	42.074.818.737	42.074.818.737	5.139.144.518	20.392.446.996	57.328.121.215	57.328.121.215	
+	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	14.768.900.000	14.768.900.000	-	5.226.800.000	19.995.700.000	19.995.700.000	
+	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	24.446.082.000	24.446.082.000	-	8.869.716.000	33.315.798.000	33.315.798.000	
+	Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	2.859.836.737	2.859.836.737	5.139.144.518	6.295.930.996	4.016.623.215	4.016.623.215	
Cộng		635.425.278.592	635.425.278.592	1.303.582.828.453	1.224.552.014.001	556.394.464.140	556.394.464.140	

c) Vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán.

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		Phương thức đảm bảo
			USD	VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	201918906827	12 tháng	224.250.000.000	0	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	201918906827	12 tháng	317.242,00	0	Thế chấp
	CVL.DN.1855.290622	6 tháng	0	13.994.000.000	Thế chấp
	CVL.DN.1855.290622	6 tháng	189.000,00	0	Thế chấp
	CVL.DN.1856.290622	12 tháng	0	2.949.047.893	Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	1606-LAV-202200045	6 tháng	6.480.000.000	0	Thế chấp
	1606-LAV-202200045	6 tháng	3.309.500,00	0	Thế chấp
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	01/2022/1777831/HĐTD	12 tháng	202.640.799.050	0	Thế chấp
	01/2022/1777831/HĐTD	12 tháng	187.664,00	0	Thế chấp
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB)	UOB/HCMC/CASL/20234	12 tháng	22.718.419.601	0	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TP Bank)	34/2022/HĐTD/BCH	12 tháng	4.995.777.388	0	Tin chấp
Cộng			574.149.821.992	0	

23

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(**) Chi tiết các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn:
+ Chi tiết các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		Phương thức đảm bảo
			Dưới 1 năm	Trên 1 năm	
			VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1511700300	120 tháng	3.200.040.000	5.066.330.000	8.266.370.000
	LD1623700088	120 tháng	4.530.000.000	13.590.000.000	18.120.000.000
	LD1728500607	120 tháng	1.370.076.000	5.789.752.000	7.159.828.000
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	LAV201600721	120 tháng	4.700.000.000	14.100.000.000	18.800.000.000
	1606-LAV-202000812	60 tháng	296.400.000	668.900.000	965.300.000
Cộng			14.096.516.000	39.214.982.000	53.311.498.000

Cộng

+ Thuế tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc, thiết bị, xe ô tô. Chi tiết các khoản thuế như sau:

Số hợp đồng thuế	Thời hạn thuế	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		Cộng
		Dưới 1 năm	Trên 1 năm	
		VND	VND	VND
2019-00016-001	48 tháng	207.285.670	-	207.285.670
2019-00057-001	48 tháng	325.941.167	-	325.941.167
2021-00028-000	24 tháng	3.483.396.382	-	3.483.396.382
2021-00196-000	48 tháng	392.353.428	948.187.417	1.340.540.845
2021-00195-000	48 tháng	695.145.216	1.911.649.320	2.606.794.536
Cộng		5.104.121.863	2.859.836.737	7.963.958.600

24



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
	Số đầu năm trước	Số cuối năm nay					
Số dư đầu năm trước	221.560.600.000	221.560.600.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	19.531.692.213	292.522.317.628
Lãi trong năm trước						12.821.521.265	12.821.521.265
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2020						(13.293.030.000)	(13.293.030.000)
Giảm khác (thủ lao HĐQT)						(467.370.597)	(467.370.597)
Số dư cuối năm trước	221.560.600.000	221.560.600.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	18.592.812.881	291.583.438.296
Số dư đầu năm nay	221.560.600.000	221.560.600.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	18.592.812.881	291.583.438.296
Chia cổ tức bằng cổ phiếu		13.290.940.000				(13.290.940.000)	-
Lãi trong năm nay						15.553.531.197	15.553.531.197
Giảm khác (thủ lao HĐQT) (*)						(383.645.779)	(383.645.779)
Số dư cuối năm nay	234.851.540.000	234.851.540.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	20.471.758.299	306.753.323.714

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 25/12/2021, Đại hội đã biểu quyết thông qua thủ lao Hội đồng quản trị, thư ký là 3% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 và chia cổ tức bằng cổ phiếu tương đương 6% vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2021.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
		VND	VND	
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	120.448.160.000	51,286	113.630.340.000	51,286
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	23.474.530.000	9,995	22.145.790.000	9,995
Vốn góp của các cổ đông khác	90.928.850.000	38,718	85.784.470.000	38,718
Cộng	234.851.540.000	100	221.560.600.000	100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	221.560.600.000	221.560.600.000
Vốn góp tăng trong năm	13.290.940.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	234.851.540.000	221.560.600.000
Cổ tức đã chia	13.290.940.000	13.293.030.000
d) Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.485.154	22.156.060
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.485.154	22.156.060
- Cổ phiếu phổ thông	23.485.154	22.156.060
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	1.010	1.010
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.484.144	22.155.050
- Cổ phiếu phổ thông	23.484.144	22.155.050
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)		
19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
+ USD	46.137,10	52.091,00
+ EUR	175,01	194,87

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	1.265.940.965.619	1.023.713.085.234
Doanh thu bán hàng hóa	22.844.111.083	34.077.410.775
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.393.915.154	52.071.952.653
Doanh thu khác	-	12.319.787.942
Cộng	1.333.178.991.856	1.122.182.236.604
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	43.099.044.696	32.075.319.604
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VIII.1.c		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	19.809.427	115.617.924
Hàng bán bị trả lại	1.332.947.005	660.394.324
Cộng	1.352.756.432	776.012.248
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	1.264.588.209.187	1.022.937.072.986
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	22.844.111.083	34.077.410.775
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	44.393.915.154	52.071.952.653
Doanh thu thuần khác	-	12.319.787.942
Cộng	1.331.826.235.424	1.121.406.224.356
4. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm	1.210.816.152.729	981.181.375.721
Giá vốn hàng hóa	10.956.742.305	23.277.062.862
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	23.715.579.919	24.581.847.442
Cộng	1.245.488.474.953	1.029.040.286.025
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.148.513.897	1.535.962.969
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.037.360.239	4.685.361.049
Cộng	9.185.874.136	6.221.324.018
6. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	38.231.030.320	38.340.323.671
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.559.910.105	3.282.093.850
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	737.322.611	-
Cộng	47.528.263.036	41.622.417.521

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Chi phí bán hàng	17.939.354.760	22.772.126.233
Chi phí nhân viên	5.390.903.555	6.159.727.539
Chi phí hoa hồng	1.084.802.079	1.050.732.326
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa	10.275.617.433	14.096.152.485
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.188.031.693	1.465.513.883
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.044.473.671	17.158.770.463
Chi phí nhân viên quản lý	10.458.119.154	10.618.917.057
Chi phí khấu hao	401.306.376	432.414.407
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.100.241.676	-
Các khoản chi phí quản lý khác	7.084.806.465	6.107.438.999

8. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản	15.835.455	163.636.364
Thu nhập từ xử lý công nợ	6.748.131.691	-
Thu nhập khác	2.915.673.723	148.221.286
Cộng	9.679.640.869	311.857.650

9. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản vi phạm	942.579.916	853.063.583
Chi phí khác	127.220.199	256.117.695
Cộng	1.069.800.115	1.109.181.278

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ hoạt động chế biến trong thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.621.383.894	16.236.624.504
Các khoản điều chỉnh	1.713.067.559	2.046.459.366
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.713.067.559	2.046.459.366
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận tính thuế	21.334.451.453	18.283.083.870
Trong đó:		
+ Lợi nhuận tính thuế 15%	3.980.751.869	4.830.270.694
+ Lợi nhuận tính thuế 20%	17.353.699.584	13.452.813.176
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.067.852.697	3.415.103.239

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.186.255.490.800	929.059.491.802
Chi phí nhân công	65.252.879.824	61.921.921.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.407.726.532	15.440.198.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.617.025.805	47.415.306.537
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.100.241.676	-
Chi phí khác bằng tiền	11.683.717.515	12.004.813.694
Cộng	1.309.317.082.152	1.065.841.731.555

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tăng vốn bằng trả cổ tức bằng cổ phiếu	13.290.940.000	-

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vay theo kế ước thông thường	1.276.151.522.190	1.095.313.822.106

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.195.244.738.666)	(1.054.567.809.734)
Trả tiền nợ thuế tài chính	(10.106.637.476)	(7.414.657.221)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

a. Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Tiền lương, thưởng của thành viên Hội đồng Quản Trị có tham gia điều hành và Ban Tổng Giám đốc là:

Họ và tên	Chức vụ		Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Tống Văn Tùng	Tổng Giám đốc	Từ 22/12/2020 đến 02/12/2021	88.961.129	669.613.150
Ông Vũ Quang Chính	Tổng Giám đốc	Từ 02/12/2021	422.680.300	-
Ông Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	Đến 22/12/2020	360.387.345	66.969.200
Bà Nguyễn Thị Phương Như	Phó Tổng Giám đốc	Đến 05/05/2021	-	230.634.783
Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc		364.832.962	329.149.127
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc	Từ 22/12/2020 đến 17/12/2021	59.443.005	308.505.137
Ông Nguyễn Tú Kỳ	Phó Tổng Giám đốc		569.102.605	188.390.567
Bà Nguyễn Yến	Phó Tổng Giám đốc	Từ 17/12/2021	160.939.014	-
Bà Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Từ 17/12/2021	-	-
Cộng			2.026.346.360	1.793.261.964

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản Trị là:

Họ và tên	Chức vụ		Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch		69.300.000	61.200.000
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch		69.300.000	72.000.000
Ông Trần Thanh Hương	Thành viên		54.000.000	54.000.000
Ông Tống Văn Tùng	Thành viên	Đến 02/03/2022	9.000.000	40.500.000
Bà Huỳnh Thanh	Thành viên		54.000.000	54.000.000
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên		54.000.000	54.000.000
Ông Vũ Quang Chính	Thành viên	Từ 25/12/2021	40.500.000	-
Cộng			344.700.000	335.700.000

b. Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ		Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan		43.099.044.696	32.075.319.604
			1.393.860.717	1.268.001.398
Trường Đại Học Văn Hiến	Bên liên quan		30.325.521.542	24.262.288.803
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu	Bên liên quan		11.039.931.951	6.404.591.719
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Bên liên quan		339.730.486	140.437.684

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm nay VND	Năm trước VND
-------------------	-------------	----------------	------------------

Chi phí mua hàng hoá và tài sản
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu Bên liên quan 1.989.574.245 49.978.073.412

Giao dịch khác
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu Bên liên quan 800.000.000 -

c. Cho đến ngày cuối năm, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm nay VND	Năm trước VND
-------------------	-------------	----------------	------------------

Phải thu khách hàng ngắn hạn 25.711.852.708 51.124.895.537

Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu Bên liên quan 1.601.130.467 542.353.538

Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu Bên liên quan 400.000.000 137.500.000

Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu Bên liên quan 9.556.096.773 36.214.273.545

Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu Bên liên quan 14.154.625.468 14.230.768.454

Ứng trước cho nhà cung cấp ngắn hạn 208.823.958 -

Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu Bên liên quan 208.823.958 -

Phải thu khác ngắn hạn 682.536.000 651.776.000

Trường Đại Học Văn Hiến Bên liên quan 651.776.000 651.776.000

Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu Bên liên quan 30.760.000 -

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Xuất khẩu	267.070.413.644	258.947.875.371
Trong nước	1.064.755.821.780	862.458.348.985
Cộng	1.331.826.235.424	1.121.406.224.356

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất chế biến thủy sản nên không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 đã được kiểm toán.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Ngày 10 tháng 12 năm 2022


Tổng Giám đốc

Vũ Quang Chính




BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



TÚ THANH PHỤNG



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



www.agri.hunghau.vn



(028) 3974 1135- (028) 3974 1136



1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh